



Số: 27/CPNT2-TM-HĐQT

Nhơn Trạch, ngày 12 tháng 04 năm 2017

THƯ MỜI HỌP **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

Kính gửi: Quý Cổ đông
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 với các nội dung như sau:

1. **Thời gian:** 08h30 thứ Năm, ngày 27 tháng 04 năm 2017 (Đón khách từ 07h30 - Nội dung chương trình Đại hội gửi đính kèm)
2. **Địa điểm:** Grand Hotel Saigon – Số 08 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM.
3. **Đối tượng tham dự:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần PVPower NT2 theo danh sách số 394/2017-NT2/VSD-ĐK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt ngày 30/03/2017 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.
4. **Nội dung đại hội:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 sẽ xem xét thông qua và phê duyệt các nội dung sau:
 - (1) Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017 của Hội đồng quản trị;
 - (2) Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2016 của công ty;
 - (3) Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty;
 - (4) Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2016 và Kế hoạch kiểm soát năm 2017 của Ban kiểm soát;
 - (5) Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán;
 - (6) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017;
 - (7) Danh sách các đơn vị đề lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017;
 - (8) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
 - (9) Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học & công nghệ của Công ty
 - (10) Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022;
 - (11) Một số nội dung khác thông qua tại Đại hội (nếu có).



5. **Tài liệu liên quan đến Đại hội:** Các tài liệu liên quan đến Đại hội, các mẫu Giấy ủy quyền, Xác nhận tham dự Đại hội... được đăng tải trên Website của PVPower NT2 theo địa chỉ: <http://www.pvpnt2.vn> từ ngày 12/04/2017.

6. **Đăng ký tham dự Đại hội:**

- Do số lượng cổ đông lớn, để công tác chuẩn bị Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông/Người được ủy quyền tham dự vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội chậm nhất vào trước **16h30' ngày 24/04/2017** bằng một trong các hình thức sau: Gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội thông qua thư; Fax theo số: 061.2225897; Điện thoại số: 061.2225899; Thư điện tử: thuky.cty@pvnt2.com.vn
- Trường hợp Quý cổ đông không tham dự và cũng không ủy quyền tham dự Đại hội, Quý cổ đông gửi Phiếu biểu quyết thông qua thư (*Phiếu biểu quyết, bì thư phản hồi có in sẵn địa chỉ được gửi kèm thư mời này*), Fax theo số: 061.2225897 hoặc Thư điện tử thuky.cty@pvnt2.com.vn đảm bảo nhận được trước **11h30' ngày 26/04/2017**.
- Cổ đông khi đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (Đã đăng ký với VSD), Thư mời họp và Giấy ủy quyền có đầy đủ chữ ký hợp lệ của người ủy quyền (Trường hợp nhận ủy quyền).
- Đối với cổ đông là tổ chức, đề nghị Người đại diện mang theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy Chứng minh nhân dân và Giấy Ủy quyền tham dự Đại hội (Trường hợp Người đại diện tham dự không phải là đại diện trước pháp luật của tổ chức đó).

Mọi thắc mắc về Đăng ký tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể liên hệ trực tiếp:

Ông Lê Minh Phúc: 093.6938633 (phuc.lm@pvnt2.com.vn)

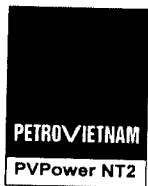
Bà Hồ Xuân Lan: 090.3173930 (thuky.cty@pvnt2.com.vn)

Rất mong sự hiện diện đầy đủ của Quý cổ đông để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty thành công tốt đẹp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Uông Ngọc Hải



Số: 28../CPNT2-TB-HĐQT

Nhon Trạch, ngày 22. tháng 04 năm 2017

THÔNG BÁO

V/v: Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Kính gửi: Quý Cổ đông
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Luật Doanh nghiệp);

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) được sửa đổi lần thứ Tám, ban hành ngày 22/04/2015 theo Quyết định số 15/QĐ-CPNT2 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 03/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2012 về việc bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ II,

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ II của PVPower NT2 sẽ kết thúc nhiệm kỳ vào ngày 27/04/2017. Vì vậy Đại hội đồng cổ đông PVPower NT2 sẽ tiến hành bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2017-2022) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Hội đồng quản trị PVPower NT2 xin trân trọng thông báo tới toàn thể Quý vị cổ đông về việc đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2017-2022) như sau:

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên (01 chuyên trách – Chủ tịch và 04 kiêm nhiệm).
- Ban kiểm soát: 03 thành viên (01 chuyên trách – Trưởng Ban và 02 kiêm nhiệm)

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử/ứng cử vào Hội đồng quản trị:

2.1 Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện đáp ứng theo quy định tại Điều 151 Khoản 1 Luật Doanh nghiệp và Điều 24 Khoản 5 Điều lệ Công ty.

2.2 Điều kiện đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: (Điều 11 Khoản 3 và Điều 24 Khoản 6 Điều lệ Công ty).

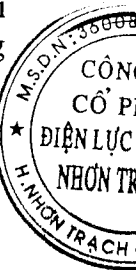
Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp) có quyền gộp số phiếu biểu quyết lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2.3 Đề cử bổ sung ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị:

Trường hợp số lượng các ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử/ứng cử vào Ban kiểm soát:

3.1 Tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên:



Các ứng viên được đề cử vào Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện đáp ứng theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

3.2 Điều kiện đề cử/ứng cử Kiểm soát viên:

Điều 11 Khoản 3 và Điều 35 Khoản 5 Điều lệ Công ty quy định:

Cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp) có quyền gộp số phiếu biểu quyết lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3.3 Đề cử bổ sung ứng cử viên Ban kiểm soát:

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên

4. Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử:

Các cổ đông đủ tiêu chuẩn đề cử/ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của PVPower NT2 gửi hồ sơ đề cử/ứng cử bao gồm:

- (1) Đơn đề cử/ứng cử tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Theo mẫu đăng trên website công ty);
- (2) Sơ yếu lý lịch (Theo mẫu đăng trên website công ty);
- (3) CMND/Hộ chiếu và các Văn bằng, Chứng chỉ (Bản sao chứng thực);
- (4) Biên bản họp nhóm (nếu có).

5. Lựa chọn các ứng cử viên:

Căn cứ Đơn đề cử/ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và Hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Hội đồng quản trị PVPower NT2 sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2017-2022) và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

6. Thời hạn và địa chỉ nhận Hồ sơ đề cử/ứng cử:

Hồ sơ đề cử/ứng cử phải được gửi bản gốc về Công ty chậm nhất là 16h30' ngày 24/04/2017 (Theo dấu Đơn vị chuyển bưu phẩm) theo địa chỉ sau:

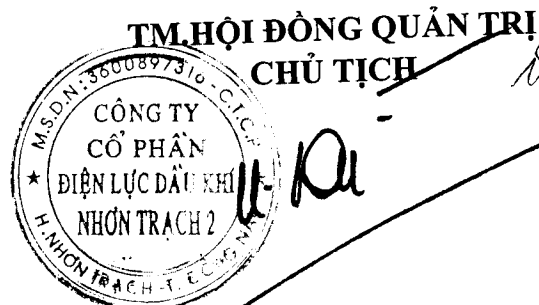
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: 061.2225899; Fax : 061.2225897;

(Hồ sơ có thể gửi trước bằng Email về hộp thư: thuky.cty@pvnt2.com.vn)

Người liên hệ: Ông Lê Minh Phúc (093.6938633)

Bà Hồ Xuân Lan (090.3173930)

Trân trọng thông báo!



Uông Ngọc Hải



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT-STOCK COMPANY
Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tel : 0612.225899 Fax : 0612.225897

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Thời gian: 07h30, Thứ Năm ngày 27 tháng 04 năm 2017

Địa điểm: Grand Hotel Saigon - Số 08 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Số TT	THỜI GIAN DỰ KIẾN	CHI TIẾT NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	07h30 – 08h30	- Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông	BTC Đại hội
2	08h30 – 08h35	- Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định.	Trưởng BKS
3	08h35 – 08h40	- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và khai mạc đại hội - Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội	BTC Đại hội
4	08h40 – 08h50	- Thông qua nội dung chương trình Đại hội và quy chế tổ chức Đại hội - Thông qua thể lệ biểu quyết	Đoàn chủ tịch
5	Trình bày các nội dung chính xin biểu quyết phê duyệt/thông qua tại Đại hội		
	08h50 – 10h20	1. Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động: - Biểu quyết thông qua nội dung sửa đổi - Kiểm phiếu biểu quyết	Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu
		2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017 của Hội đồng quản trị	Đoàn Chủ tịch
		3. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2016 của Công ty	Đoàn Chủ tịch
		4. Trình duyệt Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017	Đoàn Chủ tịch
		5. Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2016 và kế hoạch kiểm soát năm 2017 của Ban kiểm soát	Trưởng Ban kiểm soát
		6. Trình duyệt Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán	Kế toán trưởng
		7. Trình duyệt Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017	Đoàn chủ tịch

Số TT	THỜI GIAN DỰ KIẾN	CHI TIẾT NỘI DUNG	THỰC HIỆN
		8. Tờ trình Danh sách các đơn vị đề lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017	Đoàn chủ tịch
		9. Tờ trình sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Đoàn chủ tịch
6	10h20 – 10h50	- Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội - Đoàn Chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông	Đoàn chủ tịch
7	Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022		
	10h50 – 11h20	1. Báo cáo kết quả kiểm phiếu nội dung “Sửa đổi Điều lệ của Công ty”	Đoàn chủ tịch
		2. Thông qua danh sách đề cử để bầu vào HĐQT-BKS	
		3. Thông qua thể lệ bầu cử	Đoàn chủ tịch
		4. Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu bầu cử	Đoàn chủ tịch
		5. Tiến hành bầu cử	Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu
7	11h20 – 11h25	Cổ đông biểu quyết phê duyệt/thông qua các nội dung của Đại hội (bằng phiếu biểu quyết)	Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu
9	11h25 – 11h35	Phát biểu chỉ đạo của Lãnh đạo Cổ đông chi phối (TCT ĐLDK Việt Nam – PVPower)	Lãnh đạo PVPower
10	11h35 – 11h55	Nghỉ giải lao và Kiểm phiếu	BTC Đại hội, Ban kiểm phiếu
11	11h55 – 12h10	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết - Báo cáo kết quả bầu cử HĐQT và BKS	Trưởng ban kiểm phiếu
12	12h10 – 12h20	HĐQT-BKS nhiệm kỳ III ra mắt Đại hội	BTC Đại hội
13	12h20 – 12h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội	- Thư ký đọc - Đoàn chủ tịch
14	12h30	Bế mạc Đại hội	- Đoàn chủ tịch - BTC Đại hội

Số: 29 /TTr-HĐQT

Nhon Trach, ngày 12 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc: Các nội dung xin thông qua và phê duyệt tại
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) quyết định triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 vào thứ Năm ngày 27/04/2017 tại Grand Hotel Saigon - Số 08 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty các nội dung xin thông qua/phê duyệt tại Đại hội như sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017 của Hội đồng quản trị (*Báo cáo số 16/CPNT2-BC-HĐQT ngày 15/03/2017 của HĐQT*);
2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2016 của Công ty (*Chi tiết Phần I, Tờ trình số 15/TTr-CPNT2 ngày 01/03/2017 của Công ty*);
3. Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty (*Chi tiết Phần II, Tờ trình số 15/TTr-CPNT2 ngày 01/03/2017*);
4. Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2016 và kế hoạch công tác năm 2017 của Ban kiểm soát (*Báo cáo số 05/BC-CPNT2-BKS ngày 20/03/2017 của BKS*);
5. Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán;
6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch lợi nhuận năm 2017 (*Tờ trình số 34/TTr-CPNT2 ngày 12/04/2017 của Công ty*);
7. Danh sách các đơn vị để lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 (*Tờ trình số 08/TTr-CPNT2 ngày 14/02/2017 của Công ty*);
8. Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (*Tờ trình số 35/TTr-CPNT2 ngày 12/04/2017 của Công ty*);
9. Sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty (*Tờ trình số 36/TTr-CPNT2 ngày 12/04/2017 của Công ty*);
10. Bầu cử Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2017-2022).

(Các tài liệu báo cáo, tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Công ty và Thông báo đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Quý Cổ đông vui lòng truy cập website của Công ty: <http://www.pvpnt2.vn>)

Kính đề nghị Quý vị cổ đông xem xét, cho ý kiến và biểu quyết các nội dung như nêu trên tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của PVPower NT2 vào ngày 27/04/2017.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.



Ưông Ngọc Hải

Số: 16 /CPNT2-BC-HĐQT

Nhơn Trạch, ngày 15 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2016 &
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2017 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Quý Cổ đông

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ phương hướng nhiệm vụ năm 2016 của Hội đồng quản trị đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-CPNT2 ngày 25/03/2016;

Căn cứ Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2016 của Công ty đã được Đại hội cổ đông thường niên phê duyệt tại Quyết định số 12/QĐ-CPNT2 ngày 31/03/2016;

Trên cơ sở kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và của Công ty, Hội đồng quản trị kính báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động SXKD năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017 như sau:

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2016

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

Nhằm đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Hội đồng quản trị luôn kịp thời chỉ đạo, phối hợp và hỗ trợ Ban Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 cụ thể như sau:

1.1 Quan hệ với cổ đông:

- Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 25/03/2016 với sự hiện diện tham dự của 237 cổ đông, đạt tỷ lệ 85,12% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và nhiều khách mời là các Ngân hàng, Quỹ đầu tư, Nhà đầu tư.... Tại Đại hội, Cổ đông đã thông qua các nội dung chủ yếu như Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2016 của Công ty, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 & kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016, Phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty, Báo cáo tài chính đã kiểm toán ... với tỷ lệ nhất trí đều đạt trên 96%;

- Cung cấp đầy đủ tài liệu, báo cáo, nghị quyết / quyết định của Đại hội cổ đông cho

các cổ đông.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông và ủy ban chứng khoán theo đúng quy định.

- Hàng tháng Công ty đều có thông báo bằng tiếng Việt và tiếng Anh gửi đến các cổ đông và nhà đầu tư về tổng hợp kết quả thực hiện hoạt động SXKD trong tháng và kế hoạch SXKD trong tháng kế tiếp để các cổ đông và nhà đầu tư cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, điều này thể hiện sự minh bạch thông tin tạo niềm tin cho cổ đông và nhà đầu tư.

1.2 Việc ban hành và chỉ đạo thực hiện các Quyết định, Nghị quyết, Quy chế và Quy định:

Hội đồng quản trị rất khẩn trương, kịp thời thực hiện các thủ tục xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản các nội dung theo đề xuất của Công ty để phê duyệt và ban hành các nghị quyết/quyết định theo đề xuất của Công ty, làm cơ sở pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được ĐHHCD thông qua. Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã ban hành 21 nghị quyết và 47 quyết định, trong đó có các nghị quyết/quyết định ban hành theo sự ủy quyền của ĐHHCD thường niên năm 2016 liên quan đến kế hoạch SXKD, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, cụ thể như sau:

- Quyết định số 09/QĐ-CPNT2 ngày 28/03/2016 phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty;
- Quyết định số 10/QĐ-CPNT2 ngày 28/03/2016 phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ phát hành 4%;
- Quyết định số 11/QĐ-CPNT2 ngày 30/03/2016 phê duyệt chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cổ phiếu cho người lao động của PVPower NT2;
- Quyết định số 12/QĐ-CPNT2 ngày 31/03/2016 phê duyệt Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2016 của Công ty;
- Quyết định số 15/QĐ-CPNT2 ngày 12/04/2016 phê duyệt Kế hoạch tài chính Quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2016 của Công ty;
- Nghị quyết số 05/NQ-CPNT2 ngày 30/03/2016 thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015;
- Nghị quyết số 06/NQ-CPNT2 ngày 30/03/2016 thông qua việc thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo chế độ chuyên trách;
- Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 31/03/2016 thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động năm 2016 của Công ty;

Bên cạnh đó, việc mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty, của Nhà máy cũng rất được quan tâm, Hội đồng quản trị cũng đã ban hành các quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư, thiết bị để Công ty triển khai thực hiện công tác mua sắm đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và kịp thời phục vụ hoạt động SXKD của Công ty cũng như phục vụ vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong năm 2016. Đặc biệt là trong thời gian qua, Hội đồng quản trị tập trung xem xét và phê duyệt việc mua sắm vật tư, thiết bị để chuẩn bị cho kỳ đại tu Nhà máy vào

năm 2017, nhằm đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời vật tư thiết bị phục vụ công tác đại tu, tiết kiệm chi phí trong quá trình mua sắm, cụ thể như sau:

- Quyết định số 18/QĐ-CPNT2 ngày 25/04/2016 phê duyệt dự toán và kế hoạch nâng cấp hệ thống điều khiển SPPA-T3000 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;
- Quyết định số 21/QĐ-CPNT2 ngày 13/05/2016 phê duyệt dự toán và kế hoạch mua sắm vật tư dự phòng phần thiết bị chính Siemens phục vụ đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 tại 50.000 EOH năm 2017;
- Quyết định số 28/QĐ-CPNT2 ngày 31/08/2016 phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư dự phòng cơ nhiệt phục vụ đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2017;
- Quyết định số 29/QĐ-CPNT2 ngày 01/09/2016 phê duyệt kế hoạch thực hiện, phạm vi công việc và dự toán chi phí công tác đại tu NMD Nhơn Trạch 2 năm 2017;
- Quyết định số 41/QĐ-CPNT2 ngày 11/11/2016 phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm khớp nối mềm hệ thống nước làm mát chính phục vụ đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2017.

1.3 Tình hình hoạt động:

Theo kế hoạch, nhiệm vụ năm 2016 của Hội đồng quản trị đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 thông qua ngày 25/03/2016, với vai trò là cơ quan quản lý Công ty, Hội đồng quản trị đã tích cực thể hiện vai trò, nhiệm vụ được giao. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2016 vừa qua như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và các kỳ họp Hội đồng quản trị theo đúng quy định;
- Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc việc cho ý kiến, biểu quyết độc lập về các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty theo đề xuất của Ban điều hành để thống nhất ra quyết định làm cơ sở cho Công ty triển khai thực hiện như: Ký kết các phụ lục bổ sung hợp đồng mua bán điện, mua bán khí; Công tác Mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy; Bảo hiểm Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 thời hiệu 2016-2017,....
- Chỉ đạo công tác vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 luôn đảm bảo an toàn và hiệu quả. Ngày 29/10/2016 Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng điện cả năm 2016, về đích trước 63 ngày về sản lượng điện. Kết quả này giúp Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 nâng tổng sản lượng điện lũy kế phát lên lưới điện quốc gia đạt 25,8 tỷ kWh sau 5 năm vận hành thương mại (từ 16/10/2011);
- Phê duyệt và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong năm 2016 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 16/QĐ-CPNT2 ngày 14/04/2016 nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý vận hành Nhà máy và tối ưu hoá hiệu quả SXKD;
- Phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ của PVPower NT2 do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ phát hành 4%. Vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 31/12/2016 là 2.848.760.290.000 đồng;

- Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu NT2 tại HOSE. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi thay đổi niêm yết là 284.876.029 cổ phiếu;
- Chỉ đạo thực hiện công tác tiêu tu 02 tổ máy tuabin khí GT11 và GT12 từ ngày 19/07 đến 31/07/2016 hoàn thành vượt tiến độ (28 giờ) và đảm bảo độ an toàn tin cậy, hiệu quả. Sau tiêu tu, hiệu suất các tổ máy được cải thiện đáng kể (Suất hao nhiệt giảm khoảng 10 BTU/kWh) và công suất mỗi tổ máy tăng thêm khoảng 6 MW, nâng cao hiệu quả khai thác nhà máy;
- Phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong năm 2016 và dự toán, kế hoạch mua sắm vật tư chuẩn bị cho công tác đại tu Nhà máy vào năm 2017;
- Trong tháng 09/2016 chỉ đạo mua khẩn dầu DO, sẵn sàng đáp ứng đầy đủ nguồn dầu để phục vụ vận hành Nhà máy điện an toàn theo yêu cầu của Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia (A0) trong khoảng thời gian ngừng cung cấp khí để bảo dưỡng sửa chữa các nguồn khí. A0 đánh giá cao và có thư cảm ơn Công ty về sự hợp tác, phối hợp có hiệu quả trong khoảng thời gian dừng cấp khí, góp phần vận hành ổn định, an toàn hệ thống điện Quốc gia, đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.
- Chỉ đạo triển khai nghiên cứu, Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thu hồi, kinh doanh CO₂ lỏng từ khói thải Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Hiện nay, hồ sơ nghiên cứu khả thi Dự án đã hoàn tất và đang trong quá trình thẩm định, phê duyệt theo quy định, dự kiến hoàn tất việc thẩm định và xem xét phê duyệt trong tháng 3/2017;
- Phối hợp với các cấp có thẩm quyền, chỉ đạo triển khai các công việc liên quan để đưa dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 vào Tổng sơ đồ Điện VII hiệu chỉnh. Đến hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận bổ sung vào Quy hoạch Điện VII điều chỉnh các dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4, công suất mỗi nhà máy khoảng 750-800 MW, đưa vào vận hành trong các năm 2020, 2021 để kịp thời bù đắp thiếu hụt nguồn điện ở khu vực miền Nam từ sau năm 2020;
- Chỉ đạo thực hiện việc chuyển chủ thể hợp đồng hợp đồng bảo trì, sửa chữa Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong 100.000 EOH đầu tiên;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của Công ty năm 2016, đến nay công tác phát hành cổ phiếu ESOP đã hoàn tất;
- Thực hiện việc giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban điều hành và của Công ty đúng chức năng của HĐQT theo Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và theo Luật doanh nghiệp.

1.4 Thực hiện chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát kiêm nhiệm năm 2016:

Tổng số tiền thù lao chi trả cho các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kiêm nhiệm năm 2016 là: **156.000.000 đồng**, trong đó:

- + Trả thù lao cho Thành viên HĐQT kiêm nhiệm là: 96.000.000 đồng (4.000.000 đồng/người/tháng).

- + Trả thù lao cho Thành viên BKS kiêm nhiệm là: 60.000.000 đồng (2.500.000 đồng /người/tháng).

2. Giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty:

Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty thực hiện công tác sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ theo quyết định/nghị quyết của ĐHĐCĐ/Hội đồng quản trị và các quy định hiện hành. Bên cạnh đó, Ban điều hành cũng rất chủ động và linh hoạt trong điều hành phù hợp với tình hình thực tế diễn biến của thị trường. Chính vì vậy, năm 2016 vừa qua hoạt động SXKD của Công ty rất thành công, đạt được nhiều kết quả tốt đẹp, đạt vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm. Cụ thể như sau:

2.1 Kết quả hoạt động:

- Cổ phiếu NT2 chính thức vào Danh mục VN30 của HSX từ ngày 25/01/2016;
- Ngày 15/03/2016 Công ty đã tham gia gặp gỡ 50 tổ chức/nhà đầu tư nước ngoài tại Hội nghị Vietnam access day (VAD) nhằm tạo cơ hội để các tổ chức/nhà đầu tư nước ngoài trao đổi thông tin, hiểu biết thêm và có niềm tin khi quyết định đầu tư vào NT2;
- Qua một năm phấn đấu, thi đua lao động sản xuất đạt hiệu quả cao, năm 2016 Công ty đã gặt hái được rất nhiều thành công. Ghi nhận và đánh dấu những thành tích mà tập thể PVPower NT2 đạt được đó là những giải thưởng được trao tặng cho Công ty: Huân chương Lao động hạng Nhì, Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2016, Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất do Forbes bình chọn....

2.2 Kết quả tình hình sản xuất điện:

- Ngày 04/09/2016, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt mốc 25 tỷ kWh điện phát lên lưới điện Quốc gia sau gần 05 năm vận hành thương mại;
- Ngày 29/10/2016, sản lượng điện phát lên lưới đạt 4,45 tỷ kWh, hoàn thành 100% kế hoạch, về đích trước 63 ngày;
- Tổng sản lượng điện phát lên lưới của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong năm 2016 là: 5,222 tỷ kWh, đạt 117% so với kế hoạch;
- Sản lượng điện lũy kế kể từ ngày phát điện đến hết năm 2016 là: 26,57 tỷ kWh.

2.3 Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016

Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao một cách an toàn, hiệu quả và xuất sắc, hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch năm, về đích trước hạn.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm 2016 so với kế hoạch được duyệt cụ thể như sau:

- Vận hành Nhà máy điện hoạt động tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh;
- Sản lượng điện thương mại: 5,222 tỷ kWh, đạt 117% so với kế hoạch, về đích trước

63 ngày;

- Tổng Doanh thu: 8.087 tỷ đồng, đạt 132% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế: 1.086 tỷ đồng, đạt 149% so với kế hoạch;
- Nộp NSNN: 369 tỷ đồng, đạt 144% so với kế hoạch;
- Chia cổ tức: tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 20%/mệnh giá (Đợt 01: 15% và đợt 2: 5%/mệnh giá);
- Hoàn thành việc thực hiện thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ mới là 2.848.760.290.000 đồng sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ phát hành 4%;
- Quản lý, sử dụng vốn chặt chẽ, đảm bảo hiệu quả, an toàn;
- Thanh toán nợ gốc và lãi vay trong nước và ngoài nước đúng hạn và đầy đủ;
- Triển khai thực hiện Mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy điện theo kế hoạch mua sắm được Hội đồng quản trị phê duyệt và tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng và tiết kiệm chi phí;

(Chi tiết được thể hiện tại báo cáo tổng kết SXKD năm 2016 của Công ty)

3. Đánh giá chung:

Mặc dù năm 2016 vừa qua, PVPower NT2 gặp không ít khó khăn, thách thức như: Ảnh hưởng thời tiết mưa kéo dài nên việc huy động điện thấp; Nhà máy còn có khoảng thời gian dừng máy để thực hiện sửa chữa bảo dưỡng định kỳ, tiêu tu các tổ máy kể từ ngày 19-30/07/2016; Nhà máy được huy động chạy bằng dầu DO trong khoảng thời gian ngừng cung cấp khí để bảo dưỡng sửa chữa các nguồn khí, giá dầu giảm sâu...nhưng bằng nỗ lực và quyết tâm cao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành xuất sắc và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đã đề ra: Sản lượng điện vượt 17% kế hoạch năm, doanh thu vượt 32% và lợi nhuận sau thuế vượt 49%.

Tình hình hoạt động SXKD tốt với các chỉ tiêu tài chính công khai, minh bạch, lạc quan đã góp phần cho cổ phiếu NT2 ngày càng khẳng định được thương hiệu và đứng vững trên thị trường chứng khoán.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2017

Năm 2017 Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017: Thời gian dự kiến đại hội vào cuối tháng 04/2017.
2. Kế hoạch nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:
 - Phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua kịp thời và hiệu quả;
 - Chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn, hiệu quả và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông thông qua;
 - Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong năm 2017 cho Nhà máy điện

Nhon Trạch 2 và giám sát việc thực hiện sản xuất điện theo Định mức kinh tế - kỹ thuật đã được ban hành để quản lý vật tư thiết bị và kiểm soát chi phí trong vận hành nhà máy nhằm tăng cường hiệu quả trong SXKD của Công ty;

- Chỉ đạo chuẩn bị sẵn sàng và triển khai thực hiện công tác đại tu Nhà máy điện Nhon Trạch 2 từ ngày 01/09 đến 14/10/2017, hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo an toàn, tin cậy và hiệu quả;
- Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt việc thu hồi và thanh toán công nợ kịp thời;
- Phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong năm 2017;
- Chỉ đạo Công ty chuẩn bị đầy đủ cơ sở hạ tầng, sẵn sàng tham gia thị trường điện bán buôn theo chỉ đạo của Bộ công thương/Chính phủ;
- Chỉ đạo Công ty phối hợp với các cấp thẩm quyền/các đơn vị liên quan để triển khai các công tác liên quan đến Dự án Nhà máy điện Nhon Trạch 3&4;
- Xem xét chủ trương đầu tư điện năng lượng mặt trời trên cơ sở tận dụng mặt bằng sẵn có của PVPower NT2 để làm điện tự dùng;
- Thực hiện việc giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban điều hành và của Công ty đúng chức năng của HĐQT theo Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và theo Luật doanh nghiệp;

3. Kế hoạch thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017

Dự kiến tổng thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm năm 2017 là: 204.000.000 đồng, trong đó:

- + Trả thù lao cho Thành viên HĐQT: 144.000.000 đồng (4.000.000 đồng/ng/tháng)
- + Trả thù lao cho Thành viên BKS: 60.000.000 đồng (2.500.000 đồng/ng/tháng)

Trên đây là báo cáo thực hiện năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ 2017 của Hội đồng quản trị công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc Quý vị Cổ đông một năm nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Uông Ngọc Hải

Số 15/TTr-CPNT2

Nhon Trạch, ngày 01 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

**V/v: Báo cáo kết quả SXKD năm 2016 và kế hoạch SXKD năm 2017
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị (HĐQT)
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty)

Thực hiện chỉ đạo tại công văn số 06/CPNT2-HĐQT ngày 06/02/2017 của HĐQT Công ty về việc chuẩn bị tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2017, Công ty kính trình Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2016 và kế hoạch SXKD năm 2017 với các nội dung như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được sửa đổi ban hành ngày 22/04/2015 theo Quyết định số 15/QĐ-CPNT2 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.
- Quyết định số 290/QĐ-CPNT2 ngày 15/10/2012 của Công ty về việc phê duyệt ban hành quy trình quản lý công tác kế hoạch.
- Nghị quyết số 173/NQ-ĐLĐK-HĐTV ngày 30/12/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Nghị quyết số 22/NQ-ĐLĐK-HĐTV ngày 17/02/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc thông qua kế hoạch hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của các đơn vị thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Công văn số 06/CPNT2-HĐQT ngày 06/02/2017 của HĐQT NT2 về chuẩn bị tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2017.

II. NỘI DUNG

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2016

Năm 2016 là năm tình hình kinh tế diễn biến phức tạp, thời tiết mưa kéo dài, giá Thị trường điện thấp và các Nhà máy Thủy điện được ưu tiên huy động nên việc cạnh tranh trong thị trường điện gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

còn phải ngừng máy trong thời gian sửa chữa bảo dưỡng định kỳ tiêu tu các tổ máy kể từ ngày 19-30/7/2016 và khoảng thời gian ngừng dự phòng theo thị trường điện.

Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua những thách thức nêu trên và tiếp nối truyền thống là một trong những đơn vị đứng đầu của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam luôn luôn đạt thành tích cao trong những năm trước. Vì vậy, Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty đã cố gắng nỗ lực hết mình để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các chỉ tiêu SXKD năm 2016 với những kết quả hết sức ấn tượng như sau:

- Đạt mốc sản lượng 25 tỷ kWh vào ngày 4/9/2016 sau gần 5 năm vận hành thương mại và hoàn thành 100% kế hoạch sản lượng điện trước 63 ngày vào ngày 29/10/2016.
- Hoàn thành tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ tiêu tu vượt tiến độ 28h, đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối và sau tiêu tu công suất mỗi tổ máy tuabin khí tăng 6MW, suất hao giảm 20 BTU/kWh.
- Hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, trả nợ vay quốc tế năm 2016: 25.114.924,39 USD; 23.297.450,49 EUR tương đương 1.141.721.292.096 VND.
- Sản lượng điện năm 2016 vượt 17% KH năm 2016; Tổng doanh thu vượt 32% KH năm 2016; Lợi nhuận sau thuế vượt 49% KH năm 2016; Nộp ngân sách nhà nước năm 2016 vượt 44% KH năm 2016.
- Công tác vận hành, công tác tham gia thị trường điện và các công tác khác được thực hiện tốt và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.
- Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.
- Dự kiến trả cổ tức năm 2016 là 36% (trong đó đã tạm ứng trả cổ tức tiền mặt là 20%, phần còn lại trả trong Quý II-III/2017 sau khi họp ĐHĐCĐ thường niên 2017).

Tóm lại, năm 2016 Công ty đạt được những kết quả hết sức ấn tượng là (i) vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhì; (ii) Vinh dự được tặng bằng khen và kỷ niệm chương của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội lần thứ 2; (iii) Vinh dự được vinh danh Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2016; (iv) Vinh dự được Top 50 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016; (v) Vinh dự được thuộc danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam trên hai sàn chứng khoán HoSE và HNX năm 2016.

(Chi tiết theo Phụ lục 1-Báo cáo kết quả SXKD năm 2016 đính kèm).

2. Kế hoạch SXKD năm 2017

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2016 nêu trên và nhận định tình hình kinh tế năm 2017 tiếp tục diễn biến phức tạp, phục hồi chậm, còn nhiều rủi ro và giá một số hàng hóa cơ bản như dầu thô vẫn ở mức thấp, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2017
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	4,450
2	Khối lượng khí tiêu thụ	Tr.Sm ³	819.92
3	Tổng doanh thu bao gồm CLTG	Tỷ đồng	6,485.80
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	5,762.73
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	723.06
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	686.91
7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	259.21
8	Tỷ lệ % chia cổ tức	%	25

(Chi tiết theo Phụ lục 2- Kế hoạch SXKD năm 2017 đính kèm).

III. KẾT LUẬN

Công ty kính trình HĐQT xem xét thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2016 và kế hoạch SXKD năm 2017 để Công ty làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Trân trọng.

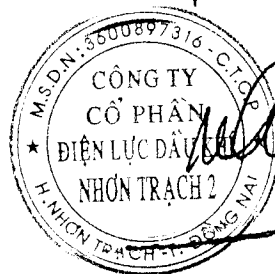
Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ (thay b/c);
- Các P.GĐ;
- P.KTKH, TCKT;
- Lưu VT.

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Báo cáo kết quả SXKD năm 2016;
- Phụ lục 2: Kế hoạch SXKD năm 2017.

[Signature]



K. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Đức Nhân

[Signature]

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016

Năm 2016 là năm tình hình kinh tế diễn biến phức tạp, thời tiết mưa kéo dài, giá Thị trường điện thấp và các Nhà máy Thủy điện được ưu tiên huy động nên việc cạnh tranh trong thị trường điện gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 còn phải ngừng máy trong thời gian sửa chữa bảo dưỡng định kỳ tiểu tu các tổ máy kể từ ngày 19-30/7/2016 và khoảng thời gian ngừng dự phòng theo thị trường điện.

Vượt qua những thách thức nêu trên, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã cố gắng nỗ lực hết mình xuất sắc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2016 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2016	
				Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
A	B	C	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Sản lượng điện	Tr. kWh	4,450	5,222.66	117%
2	Khối lượng khí	Tr.Sm ³	814.10	902.72	111%
3	Khối lượng dầu	Tr. m ³	-	0.76	-
4	Tổng doanh thu, thu nhập khác	Tỷ đồng	6,130.70	8,087.22	132%
5	Tổng chi phí	Tỷ đồng	5,364.78	6,939.04	129%
6	LN trước thuế	Tỷ đồng	765.92	1,148.18	150%
7	LN sau thuế	Tỷ đồng	727.62	1,085.51	149%
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	255.60	368.82	144%

(Xem Biểu 1 – Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 đính kèm)

Đánh giá:

Hoàn thành 100% kế hoạch sản lượng điện năm 2016 vào ngày 29/10/2016 (về đích trước 63 ngày). Sản lượng điện sản xuất năm 2016 vượt 17% so với kế hoạch sản lượng điện năm 2016 là dựa vào chiến lược chào giá tốt nên được huy động cao, nhà máy vận hành an toàn, liên tục và hiệu quả góp phần vượt kế hoạch sản lượng điện năm 2016.

Tổng doanh thu năm 2016 tăng 32% so với kế hoạch doanh thu năm 2016. Kết quả này là sự nỗ lực của NT2 trong chiến lược chào giá hợp lý, linh hoạt, chủ động tối ưu quá trình

vận hành theo cơ chế thị trường phát điện cạnh tranh, vận dụng hiệu quả các yếu tố khách quan góp phần tăng cao hiệu quả khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.

Tổng chi phí năm 2016 tăng 29% so với kế hoạch tổng chi phí năm 2016. Tỷ lệ tăng % tổng chi phí thấp hơn so với tỷ lệ tăng % tổng doanh thu do sự nỗ lực của NT2 áp dụng tối ưu hóa phương pháp vận hành, tăng năng suất lao động và chủ động triển khai thực hiện nghiêm túc triệt để trong việc tiết kiệm chống lãng phí nhằm đem lại hiệu quả thiết thực nhất trong quá trình hoạt động SXKD.

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng 49% so với lợi nhuận kế hoạch do chiến lược chào giá thị trường điện hợp lý và quan trọng nhất là sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV NT2 trong việc điều hành, khắc phục các khó khăn năm 2016 để hoàn thành vượt mức lợi nhuận và các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch SXKD như trên.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016 THEO LĨNH VỰC

1. Công tác vận hành sản xuất

- Công tác vận hành của NT2 luôn đảm bảo an toàn, được huy động công suất cao góp phần hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản lượng điện năm 2016 được giao; Công suất phát bình quân cả năm 2016 là 79,2%.
- Công tác tham gia thị trường điện cạnh tranh được thực hiện tốt, đảm bảo tối ưu công tác vận hành nhằm mang đến hiệu quả cao nhất về các chỉ tiêu SXKD năm 2016 về sản lượng điện, doanh thu, lợi nhuận. Đồng thời luôn phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thanh toán (khí, điện) nghiêm túc, đúng thời gian quy định. Tiếp tục nghiên cứu và triển khai thực hiện thị trường phát điện cạnh tranh để đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Công tác kỹ thuật và bảo dưỡng sửa chữa

- Công tác quản lý kỹ thuật bảo trì sửa chữa luôn được NT2 đặc biệt chú trọng quan tâm sát sao. NT2 đã triển khai xây dựng các quy trình quản lý kỹ thuật, rà soát hoàn thiện các quy trình liên quan đến công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, định mức kinh tế kỹ thuật các nhà máy điện nhằm tiết kiệm và tối ưu hóa cho NT2.
- Công tác bảo dưỡng thường xuyên, đột xuất nhà máy được NT2 bám sát và thực hiện nghiêm túc; NT2 luôn giám sát và hỗ trợ các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên và đột xuất Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

3. Công tác thương mại hợp đồng

- Hợp đồng mua bán điện được thực hiện tốt, công tác phối hợp và xử lý với các bên chặt chẽ, đảm bảo kiểm tra và thanh toán tiền điện hàng tháng cho NT2 đúng thời gian quy định. Ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung 08 ngày 30/12/2016 giữa NT2 và EPTC/EVN về việc Sửa đổi, bổ sung tiêu thụ nguồn khí Thiên Ưng đại – Đại Hùng, áp dụng chính sách giá khí thị trường không thấp hơn giá miêng giếng và điều chỉnh cước phí chính

thức tuyến ống Phú Mỹ - TP.Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng mua bán Khí: Công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc. Ký kết Phụ lục bổ sung số 05 Hợp đồng mua bán khí ngày 21/10/2016 giữa NT2 và PV Gas về việc áp dụng giá khí miệng giếng (giá khí thị trường thấp hơn giá khí miệng giếng áp dụng giá khí miệng giếng) và bổ sung nguồn khí Thiên Ưng – Đại Hùng (bắt đầu áp dụng từ ngày 11/12/2015); Ký kết Phụ lục bổ sung số 06 Hợp đồng mua bán khí ngày 21/10/2016 NT2 và PV Gas về việc áp dụng cước phí vận chuyển khí chính thức Phú Mỹ - TP.Hồ Chí Minh do cước phí ký kết trong Phụ lục bổ sung số 01 là tạm tính, thời gian áp dụng từ ngày Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 bắt đầu nhận khí.
- Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn được thực hiện một cách nghiêm túc đầy đủ, công tác bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng được PVPS thực hiện tốt nhằm đảm bảo góp phần hoàn thành tốt công tác tiêu tu trong năm 2016 vượt tiến độ 28h. Ký kết thỏa thuận chuyển giao 3 bên Siemens AG/Germany/Siemens Ltd.VietNam/NT2 vào ngày 26/8/2016.
- Công tác mua sắm vật tư trang thiết bị: Đã tiến hành mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác tiêu tu và SXKD năm 2016 theo quy định hiện hành và quản lý hợp đồng theo tiến độ đã ký kết, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016. Tổng giá trị mua sắm vật tư, thiết bị năm 2016 là 159 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị năm 2016.

4. Công tác tài chính kế toán

- Thực hiện tốt công tác phân loại thu hồi công nợ tiền điện. Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán, trả nợ vay.
- Lập báo cáo tài chính đầy đủ, chính xác và kịp thời. Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.
- Cân đối dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh và trả các khoản vay đến hạn của NT2 và đảm bảo trả khoản vay quốc tế đúng tiến độ.
- Hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, trả nợ vay quốc tế năm 2016: 25.114.924,39 USD; 23.297.450,49 EUR tương đương 1.141.721.292.096 VND.

5. Công tác đào tạo và khoa học công nghệ

a) Công tác đào tạo:

- Số lao động cuối kỳ năm 2016 là 190 người.
- Công tác đào tạo đảm bảo yêu cầu nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD của NT2. Năm 2016 thực hiện đào tạo 479 lượt người với giá trị là 1,91 tỷ đồng, đạt 41% KH năm 2016. Tỷ lệ thực hiện năm 2016 thấp hơn kế hoạch năm 2016 là do:

- ✓ Khóa đào tạo chuyên sâu về hệ thống SFC, SEE với giá trị 1 tỷ đồng sẽ được đào tạo vào năm 2017 theo chỉ đạo của Tổng công ty.
- ✓ Khóa bồi huấn công tác quản trị doanh nghiệp và tập huấn các nội quy/quy chế/quy định của Công ty cổ phần với giá trị 0,9 tỷ đồng không thực hiện nhằm tiết kiệm tiết giảm chi phí theo Chỉ đạo của Tập đoàn/Tổng công ty.

b) Công tác khoa học công nghệ:

- Luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Đặc biệt chú trọng triển khai mạnh mẽ các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành để giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, đạt được sự tin cậy, chính xác trong điều hành.
- NT2 đã thành lập Hội đồng KHCN, ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên người lao động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần vào sự phát triển của đơn vị.
- TS. Hoàng Xuân Quốc - Giám đốc NT2 đã vinh dự nhận Bằng khen vì những thành tích đóng góp đối với hoạt động Khoa học Công nghệ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trao tặng.

6. Công tác an toàn sức khỏe môi trường

- Kết quả chấm điểm chéo về công tác ATSKMT năm 2016 NT2 đạt số điểm là 98,6/100 cao nhất toàn Tổng công ty.
- Công tác kiểm định định kỳ cho các thiết bị, dụng cụ của nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được thực hiện đúng thời hạn theo quy định.
- Khám sức khỏe và trang bị đồ dùng bảo hộ lao động đầy đủ cho CBCNV theo đúng quy định.
- Công tác báo cáo giám sát môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định tại Thông tư 43-2015/TT-BTNMT ngày 29/09/2015.
- Công tác an ninh an toàn, PCCC, ƯCTHKC:
 - ✓ Ngày 11/04/2016, NT2 ký kết quy chế phối hợp số 138/QC-CAT-CSPCCC-ĐLĐK về việc Phối hợp Công tác đảm bảo An ninh trật tự giữa Công an tỉnh Đồng Nai Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai và NT2.
 - ✓ Thành lập đội PCCC chuyên ngành kiêm bảo vệ nội bộ NT2 vào ngày 01/03/2016.
 - ✓ Kế hoạch ƯCTHKC NT2 đã được Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp Bộ Công thương phê duyệt.

7. Công tác đầu tư phát triển

a) Công tác liên quan đến dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4:

Trên cơ sở văn bản số 1071/DKVN-B.ĐIỆN ngày 1/3/2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phát triển chuỗi khí điện Nhơn Trạch 3, Thị Vải, Sơn Mỹ và văn bản số 3531/BCT-TCNL ngày 22/04/2016 của Bộ Công thương về việc xây dựng đề án Tổng thể liên quan đến sự xuất hiện các nhà máy điện TBK CTHH Nhơn Trạch 3&4, NT2 đã phối hợp với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)/Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) cùng với đơn vị tư vấn chủ động triển khai thực hiện các công tác liên quan đến dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 như sau:

- Ngày 10/05/2016, NT2 gửi HĐQT NT2 tại Tờ trình số 37/TTr-CPNT2 về việc xin phê duyệt phạm vi công việc, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn lập Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch Trung tâm Điện lực Nhơn Trạch.
- Ngày 25/05/2016, Ký hợp đồng lập báo cáo điều chỉnh Trung tâm điện lực Nhơn Trạch số 20/PVPNT2.KTKH-IEVN/2016/TV giữa NT2 với Viện Năng Lượng.
- Ngày 25/08/2016, NT2 phối hợp với Viện Năng lượng đã hoàn thành bộ hồ sơ báo cáo điều chỉnh Trung tâm điện lực Nhơn Trạch gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 20/09/2016, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có công văn số 5792/DKVN-B.ĐIỆN-B.K gửi Bộ Công Thương về việc báo cáo kết quả xây dựng đề án tổng thể liên quan tới sự xuất hiện của NMD Nhơn Trạch 3&4.
- Ngày 04/11/2016, Bộ Công Thương đã có Thông báo số 889/TB-BCT về việc thông báo kết luận của Thủ tướng Hoàng Quốc Vượng tại cuộc họp về bổ sung quy hoạch các nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3&4.
- Ngày 23/11/2016, Bộ Công Thương có Tờ trình số 11235/BCT-TCNL gửi Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung các NMD Nhơn Trạch 3&4 và Quy hoạch điện VII điều chỉnh.
- Ngày 13/02/2017, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 212/TTg-CN về việc Bổ sung vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh các dự án nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

b) Công tác liên quan đến dự án thu hồi, sản xuất CO₂ lỏng từ khói thải nhà máy:

Trên cơ sở Quyết định số 12/QĐ-CPNT2 ngày 31/03/2016 của Đại hội đồng cổ đông NT2 về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động SXKD năm 2016, NT2 đã chủ động triển khai các thủ tục liên quan đến dự án thu hồi, sản xuất CO₂ lỏng từ khói thải nhà máy theo đúng quy định như sau:

- Ngày 10/03/2016, HĐQT NT2 đã có Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 về việc Phê duyệt Phạm vi công việc, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi và sản xuất CO₂ lỏng thương mại từ khói thải NMD Nhơn Trạch 2 để lựa chọn đơn vị tư vấn theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước.

- Ngày 29/4/2016, Giám đốc NT2 đã có Quyết định số 110/QĐ-CPNT2 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi CO2 lỏng thương mại từ khói thải nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - Ngày 05/5/2016 tại Hà Nội, Đại diện NT2 và đại diện Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) đã ký hợp đồng số 19/CPNT2.KTKH-CECO/2016/TV về việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi CO2 lỏng thương mại từ khói thải nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - Ngày 03/08/2016, CECO nộp Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi và sản xuất CO2 lỏng thương mại từ khói thải nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (theo đúng tiến độ của hợp đồng).
 - Ngày 10/8/2016, NT2 và CECO tổ chức họp góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi CO2 lỏng thương mại từ khói thải nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - Ngày 11/8/2016, NT2 có công văn số 509A/CPNT2-KTKH gửi CECO về Kết luận của Giám đốc NT2 tại cuộc họp về tình hình triển khai lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi CO2 lỏng thương mại từ khói thải nhà máy điện Nhơn Trạch 2 để làm cơ sở cho CECO hoàn thiện hồ sơ.
 - Ngày 30/9/2016, CECO nộp lại Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi và sản xuất CO2 lỏng thương mại từ khói thải nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (sau khi hiệu chỉnh theo tinh thần cuộc họp ngày 10/8/2016).
 - Ngày 20/10/2016, NT2 có Tờ trình số 70/TTr-CPNT2 trình Hội đồng Quản trị NT2 về Thẩm định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi và sản xuất CO2 lỏng thương mại từ khói thải nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - Ngày 13/01/2017, Tổ thẩm định có báo cáo số 01/BC-TTD về việc Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi.
 - Ngày 09/02/2017, Tổ thẩm định đã có Biên bản họp với CECO để góp ý về việc Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi.
 - Ngày 28/02/2017, đơn vị tư vấn đã nộp lại hồ sơ để phục vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi và sản xuất CO2 lỏng thương mại từ khói thải nhà máy điện Nhơn Trạch 2 theo tinh thần cuộc họp ngày 09/02/2017.
 - Tổ thẩm định đã hoàn tất công tác Thẩm định BCNCKT theo các báo cáo số 02/BTĐTKCS-TTĐ, số 03/BC-TTĐ, số 04/BC-TTĐ ngày 17/03/2017 và trình Hội đồng Quản trị NT2 phê duyệt theo quy định.
- 8. Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho người lao động**
- Hoàn thành tốt công tác an sinh xã hội với chi phí an sinh xã hội năm 2016 là 10,37 tỷ đồng.



- Công tác lao động, tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách cho người lao động luôn được lãnh đạo NT2 đặc biệt quan tâm. Các chế độ chính sách cho người lao động như lương, thưởng, BHXH, BHYT, chế độ ốm đau, thai sản được thực hiện theo đúng chế độ, ... Đặc biệt, NT2 luôn quan tâm và hỗ trợ nhà trẻ Ánh Dương tại khu nhà công vụ Long Thọ nhằm đảm bảo con em CBCNV được chăm sóc tốt để CBCNV NT2 ổn định cuộc sống và yên tâm công tác phục vụ lâu dài cho đơn vị.

9. Công tác thực hiện tiết giảm chi phí

NT2 luôn chủ động triển khai, thực hiện nghiêm túc những quy định luật pháp về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Đảng ủy, Ban lãnh đạo đã tổ chức tuyên truyền vận động và phổ biến sâu rộng đến toàn thể CBCNV cho mọi người hiểu rõ, nắm vững Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí để thực hiện nghiêm túc. Năm 2016 đã triển khai thực hiện tiết giảm chi phí được 33,1 tỷ đồng.

III. KẾT LUẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016

Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty đã quyết tâm, tận dụng tiềm năng, sự ủng hộ của đối tác, quý cổ đông trong và ngoài nước để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2016.

Kết thúc năm 2016, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV NT2 đã nỗ lực hết mình để xuất sắc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2016 và đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam tạm ghi nhận là đơn vị duy nhất của các đơn vị thành viên Tổng công ty hoàn thành vượt mức nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Đặc biệt trong năm 2016, NT2 được vinh dự nhận i) Huân chương lao động hạng nhì; (ii) Bằng khen và kỷ niệm chương của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội lần thứ 2; (iii) Vinh danh Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2016; (iv) Top 50 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016; (v) Thuộc danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam trên hai sàn chứng khoán HoSE và HNX năm 2016.

Giá cổ phiếu của NT2 tăng cao trên thị trường chứng khoán, được rất nhiều nhà đầu tư quan tâm và thương hiệu NT2 ngày càng lớn mạnh trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong ngành Điện Việt Nam trên thị trường chứng khoán.

Trên đây là những tiền đề vững chắc, rất quan trọng làm cơ sở cho toàn thể CBCNV NT2 phấn khởi, tin tưởng, thi đua để vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tạo đà phát triển bền vững cho những năm tiếp theo.

BIỂU 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2016	TH năm 2016	Đánh giá
			(1)	(2)	(3=2/1)
A	VỐN ĐIỀU LỆ	Tr. đồng	2,739.20	2,848.76	104%
B	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG	-	-	-	-
I	Sản lượng điện thương mại	Tr. Kwh	4,450	5,222.66	117%
II	Khối lượng khí tiêu thụ	Tr.Sm³	814	902.72	111%
III	Khối dầu tiêu thụ	Tr.m³	-	0,76	-
C	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH		-	-	-
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6,130.70	8,087.22	132%
1	Doanh thu từ sản xuất điện	"	5,991.07	7,983.30	133%
2	Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán + lãi tiền gửi	"	139.63	103.16	74%
3	Doanh thu khác		-	0.76	-
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	5,364.78	6,939.04	129%
1	Chi phí sản xuất điện	"	5,364.78	6,631.84	124%
2	Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	"	-	249.01	-
3	Chi phí khác		-	58.19	-
III	Xử lý tài chính	Tỷ đồng	-	-	-
1	Lợi nhuận trước thuế	"	765.92	1,148.18	150%
2	Lợi nhuận sau thuế	"	727.62	1,085.51	149%
IV	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	27.96%	40.30%	144%
V	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	255.60	368.82	144%
VI	Cổ tức	%	20	36	180%

* M&DN: 30
 C
 C
 ĐIỆN
 NH
 H
 NHON TR

Handwritten signature

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2016 nêu trên và nhận định tình hình kinh tế năm 2017 tiếp tục diễn biến phức tạp, phục hồi chậm, còn nhiều rủi ro và giá một số hàng hóa cơ bản như dầu thô vẫn ở mức thấp, NT2 xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 và các giải pháp thực hiện như sau:

I. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2017
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	4,450
2	Khối lượng khí tiêu thụ	Tr.Sm ³	819.92
3	Tổng doanh thu bao gồm CLTG	Tỷ đồng	6,485.80
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	5,762.73
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	723.06
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	686.91
7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	259.21
8	Tỷ lệ % chia cổ tức	%	25

(Xem Biểu 2- Kế hoạch SXKD năm 2017 đính kèm)

II. CÁC MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2017

1. Sản xuất kinh doanh

- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh và phấn đấu hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2017 đã đề ra.
- Hoàn thành kế hoạch Đại tu 02 tổ máy từ ngày 01/9/2017 đến ngày 14/10/2017.
- Phối hợp chặt chẽ với các đối tác A0/EVN/EPTC, PVGas và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo vận hành sản xuất được liên tục và hiệu quả.
- Tài chính lành mạnh, đảm bảo cân đối dòng tiền trả nợ vay đúng hạn.
- Củng cố, tăng cường đội ngũ cán bộ thực hiện công tác thị trường điện ngày càng chuyên nghiệp hơn. Đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu theo lộ trình phát triển của thị trường điện.
- Củng cố công tác bảo vệ nội bộ và PCCC chuyên ngành theo quy định hiện hành.

- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Nghiêm túc triển khai thực hiện việc tiết kiệm chống lãng phí.
- Thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ khác.

2. Công tác đầu tư phát triển

- Phối hợp với Tập đoàn/Tổng Công ty để triển khai các công tác liên quan đến dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4.
- Xem xét khả năng nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2017

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành. Tập trung thực hiện tốt công tác đại tu nhà máy.
- Chủ động chiến lược chào giá hợp lý trong tham gia thị trường điện, đảm bảo tối ưu công tác vận hành mang đến hiệu quả cao nhất.
- Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas và các đơn vị liên quan, tối ưu hóa thời gian phát điện.
- Tăng cường công tác An toàn, vệ sinh lao động và PCCC.
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Tăng cường công tác quản lý, xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế, qui định phục vụ công tác quản lý điều hành.
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Thực hiện tốt công tác An sinh xã hội.

BIỂU 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm					Ghi chú
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý VI	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
	VỐN ĐIỀU LỆ	Triệu đồng	2,878,760					
	VỐN CHỦ SỞ HỮU	Triệu đồng	5,034,500					
A	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG							
I	Sản lượng điện thương mại	Tr. Kwh	4,450	1,221.76	1,279.50	892.77	1,055.97	
II	Khối lượng khí tiêu thụ	Triệu Sm3	819.92	225.11	235.75	164.49	194.56	
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH							
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	6,479,446	1,750,749	1,814,222	1,336,667	1,577,808	
1	Doanh thu từ sản xuất điện	"	6,479,446	1,750,749	1,807,474	1,336,667	1,584,556	
2	Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	"	0		6,748		(6,748)	
II	Tổng chi phí	Triệu đồng	5,762,733	1,543,755	1,603,221	1,223,397	1,392,360	
1	Chi phí sản xuất điện	"	5,762,733	1,543,755	1,603,221	1,223,397	1,392,360	
III	Lãi từ hoạt động SXKD	Triệu đồng	716,713	206,994	211,001	113,270	185,448	
IV	Chênh lệch tỷ giá	Triệu đồng	6,355		53,113		(46,758)	
1	CLTG đánh giá lại cuối kỳ	"	6,355		53,113		(46,758)	
V	Xử lý tài chính	Triệu đồng						
1	Lợi nhuận trước thuế	"	723,068	206,994	264,114	113,270	138,690	
2	Lợi nhuận sau thuế	"	686,915	196,644	250,909	107,606	131,755	
VI	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	14%					
VII	Trích các quỹ	Triệu đồng	54,028					

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm					Ghi chú
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý VI	
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi và BĐH	Triệu đồng	20,000					Tạm tính
VIII	Tỷ lệ chia cổ tức	%	25					
IX	Nộp về Tổng Công ty	Triệu đồng	432,514					
1.	Phí dịch vụ quản lý		700					
2.	Cổ tức nộp về Tổng Công ty		431,814					
X	Nộp ngân sách	Triệu đồng	259,214	69,856	76,217	51,120	62,021	
XI	Giá thành sản xuất điện	đồng/kWh	1,295	1,264	1,253	1,370	1,319	
		UScent/kWh	5.76	5.62	5.57	6.09	5.86	
XII	Kế hoạch mua sắm và dịch vụ	Triệu đồng	267,955					
C	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC							
I	Kế hoạch lao động							
1	Lao động định biên	Người	195					
2	Lao động bình quân	Người	195					
3	Năng suất lao động bình quân	Tr.đồng/ng/tháng	2,769					
II	Kế hoạch đào tạo							
1	Kế hoạch đào tạo	Lượt người	196					
2	Kinh phí đào tạo	Triệu đồng	3,378					

Ghi chú:

- Tỷ giá ngoại tệ quy đổi là:

1 USD =	22,500	VND
1 EUR =	25,500	VND

BIỂU 3: KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN VÀ KHỐI LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ NĂM 2017

Tháng	Sản lượng điện sản xuất (MWh)			Sản lượng điện (MWh)	SHN bình quân (BTU/kWh)	Nhiệt lượng tiêu thụ (10 ⁶ BTU) theo KH	Nhiệt trị cao của khí (BTU/SM3)	Lượng khí tiêu thụ (SM3)	Ghi chú
	GT11	GT12	ST10						
1	139,874	139,874	139,874	419,622	7,050	2,958,335	38,263	77,315,817	
2	121,488	121,488	121,488	364,465	7,050	2,569,481	38,263	67,153,154	
3	145,891	145,891	145,891	437,673	7,050	3,085,594	38,263	80,641,725	
4	142,453	142,453	142,453	427,358	7,050	3,012,877	38,263	78,741,274	
5	139,979	139,979	139,979	419,937	7,050	2,960,557	38,263	77,373,876	
6	144,067	144,067	144,067	432,201	7,050	3,047,019	38,263	79,633,559	
7	141,593	141,593	141,593	424,780	7,050	2,994,699	38,263	78,266,184	
8	139,120	139,120	139,120	417,359	7,050	2,942,381	38,263	76,898,857	
9	16,876	16,876	16,876	50,629	7,050	356,934	38,263	9,328,449	
10	61,174	61,174	61,174	183,522	7,050	1,293,830	38,263	33,814,131	
11	145,119	145,119	145,119	435,358	7,050	3,069,277	38,263	80,215,283	
12	145,698	145,698	145,698	437,094	7,050	3,081,515	38,263	80,535,115	
Tổng cộng	1,483,333	1,483,333	1,483,333	4,450,000	7,050	31,372,500	38,263	819,917,423	



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2016
& KẾ HOẠCH NĂM 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

I. Các căn cứ:

Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần 8 theo Quyết định số 15/QĐ - CPNT2 ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông;

Quy chế quản trị của Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ban hành theo Quyết định số 06/QĐ-CPNT2 ngày 06/02/2015;

Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 do Đại hội đồng Cổ đông ban hành ngày 06/7/2009;

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty,

II. Kết quả thực hiện kiểm soát năm 2016:

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 xin kính trình quý cổ đông báo cáo tình hình kiểm tra, kiểm soát việc tổ chức hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính năm 2016 tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 với các nội dung sau:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tính đến ngày 31/12/2016, Công ty đã vận hành nhà máy điện an toàn, sản lượng được 5.222.412.620 Kwh đạt 117% kế hoạch sản lượng năm 2016.

Tỷ lệ doanh thu, chi phí, lợi nhuận thực hiện năm 2016 so với năm 2015 và so với kế hoạch năm 2016:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện		Tỷ lệ tăng trưởng so với năm trước	Tỷ lệ HT so với kế hoạch 2015(%)
		Năm 2016	Năm 2015		
1	2	3	4	5 = (3-4)/4	6 = 3/2
1. Tổng doanh thu	6,130,700	8,087,220	6,795,776	19.00%	131.91%
Doanh thu từ sản xuất điện	6,003,459	7,983,298	6,729,438	18.63%	132.98%
Doanh thu từ hoạt động TC	127,241	103,162	65,035	-58.63%	-81.08%
Thu nhập khác		760	1,303		
2. Tổng chi phí	5,364,779	6,939,039	5,593,967	24.05%	129.34%
Chi phí sản xuất điện	5,119,840	6,688,678	5,233,992	27.79%	130.64%
Chi phí tài chính	244,939	249,014	359,438	-30.72%	101.66%
Chi phí khác		1,347	537		
3. Lợi nhuận trước thuế	765,921	1,148,181	1,201,809	-4.46%	149.91%
4. Lợi nhuận sau thuế	727,625	1,085,508	1,141,627	-4.92%	149.19%

Nhận xét:

Năm 2016, Công ty đã vận hành nhà máy an toàn, hiệu quả, các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật đều đạt so với định mức kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt. Giá thành sản xuất điện năm 2016 cao hơn so với năm 2015 và cao hơn kế hoạch được giao do giá nhiên liệu khí tăng. Doanh thu sản xuất điện so với cùng kỳ năm 2015 tăng 18,63% là tăng doanh thu tiền điện bổ sung do hội tổ cước phí vận chuyển đường ống dẫn khí Phú Mỹ-HCM cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến hết ngày 31/12/2015 và hội tổ giá khí cho giai đoạn từ ngày 11/12/2015 đến hết ngày 31/10/2016. Khoản doanh thu bổ sung này được hạch toán theo nguyên tắc chuyển ngang với giá khí và không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trong năm 2016 của Công ty.

Lợi nhuận trước thuế năm 2016 là 1.148,181 tỷ đồng đạt 149,91% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2016 giảm so với năm 2015 (4,46%). Năm 2016 thời tiết mưa kéo dài, giá thị trường điện thấp và các nhà máy thủy điện được ưu tiên huy động nên việc cạnh tranh trong thị trường điện gặp rất nhiều khó khăn đặc biệt là quý

4 năm 2016 giá thị trường bình quân chỉ bằng 46% giá thị trường của quý 4 năm 2015 điều này đã làm giảm lợi nhuận của Công ty.

2. Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động. Tình hình sử dụng quỹ lương, quỹ khen thưởng phúc lợi:

Tính đến ngày 31/12/2016 tổng số nhân sự của Công ty là 190 lao động. Trong năm 2016 Công ty có tuyển thêm 08 lao động và giảm 01 lao động (nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân). Nhìn chung bộ máy tổ chức và nhân sự của Công ty đã ổn định và đáp ứng tốt việc vận hành sản xuất kinh doanh của nhà máy.

3. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2:

Qua báo cáo tài chính cho thấy Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam; việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Qua nghiên cứu báo cáo tài chính năm 2016 và các hồ sơ có liên quan, Ban kiểm soát cũng thống nhất với số liệu báo cáo tài chính. Tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, chi tiết:

a. Về vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu của Công ty vào thời điểm 31/12/2016 là 4.908.434.123.716 đồng tăng so với đầu năm 2016 là 139.975.977.679 đồng tăng 2,94%.

b. Về tài sản:

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 12.979.914.063.678 đồng tăng 1.335.242.036.858 đồng (11,47%) so với thời điểm đầu năm 2016, do một số nguyên nhân sau:

- + Tài sản dài hạn giảm 1.000.303.275.437 đồng (giảm 11,05%) so với đầu năm:
- Tài sản cố định giảm 683.421.014.178 đồng (giảm 8,97%) so với thời điểm 31/12/2015 do phần khấu hao lũy kế tăng thêm trong năm.
- Tài sản dài hạn khác giảm 146.974.952.399 đồng (giảm 21,85 %) do chi phí trả trước dài hạn giảm.

+ **Tài sản ngắn hạn tăng** 2.335.545.312.295 đồng (tăng 78,36%) chủ yếu do tăng các khoản phải thu khách hàng trong đó khoản tiền thu liên quan đến chênh lệch đơn giá bán điện do hội tổ đơn giá cước vận chuyển đường ống dẫn khí Phú Mỹ-HCM cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến hết ngày 31/12/2015 và hội tổ giá khí cho giai đoạn từ ngày 11/12/2015 đến hết ngày 31/10/2016 là 2.129.108.649.373 đồng.

- Hàng tồn kho giảm 48.982.004.054 đồng so với đầu năm chủ yếu do giảm tiền nguyên liệu dầu DO do trong năm Công ty có vận hành nhà máy bằng nhiên liệu dầu DO trong giai đoạn không có khí từ ngày 08/9/2016 đến 12/9/2016.

c. Về nợ phải trả:

So với thời điểm 01/01/2016, nợ phải trả tăng 1.195.266.059.179 đồng (17,38%), cụ thể do:

- Nợ dài hạn giảm 1.109.877.280.792 đồng (giảm 23,16%) do đã trả thêm 02 đợt gốc và lãi vay của hợp đồng tín dụng xuất khẩu trong năm 2016.

- Nợ ngắn hạn tăng 2.305.143.339.971 đồng (tăng 115%) chủ yếu do tăng khoản phải trả tiền khí do hội tổ đơn giá cước vận chuyển đường ống dẫn khí Phú Mỹ-HCM cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến hết ngày 31/12/2015 và hội tổ giá khí cho giai đoạn từ ngày 11/12/2015 đến hết ngày 31/10/2016.

d. Tình hình đầu tư:

Trong năm 2016 Công ty không thực hiện đầu tư mới.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP bê tông Công nghệ cao Sopewaco năm 2009 đã bắt đầu trích lập dự phòng từ năm 2012:

Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư	Dự phòng giảm giá đầu tư	Giá trị đầu tư sau khi trích lập
1.114.000	13,93%	11.140.000.000	11.140.000.000	0

Theo báo cáo tài chính của Công ty CP bê tông công nghệ cao Sopewaco khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2015 là 340,5 tỷ đồng (vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng) nên Công ty đã phải trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư tài chính dài hạn trên.

4. Nhận xét tình hình tuân thủ pháp luật và các quy định của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty:

Qua thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban giám đốc và bộ máy nghiệp vụ

của Công ty trong năm 2016 đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý của Luật doanh nghiệp 2014, Luật chứng khoán và Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị đã sớm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông một cách cụ thể và đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhất để đạt hiệu quả cao. Các hoạt động của Công ty trong năm 2016 được đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật; quá trình triển khai Nghị quyết, quyết định theo đúng trình tự và tuân thủ chặt chẽ quy định của Nhà nước và quy chế, quy định hiện hành của Công ty.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị duy trì đầy đủ các cuộc họp định kỳ, các cuộc họp của HĐQT có đầy đủ số thành viên dự họp; những vấn đề cần thiết phải thảo luận, biểu quyết trong cuộc họp đều được ghi thành biên bản và lưu trữ đầy đủ tại Công ty theo đúng quy định; các vấn đề HĐQT thông qua trong cuộc họp đều được ban hành bằng Nghị quyết; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời để thông qua các vấn đề chính như: thông qua kế hoạch sản xuất kinh năm 2016; phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2015, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016, phát hành chương trình cổ phiếu lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. HĐQT đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông. Hội đồng quản trị cũng ban hành quyết định phê duyệt quy chế quản lý vốn bằng tiền của Công ty, phê duyệt kế hoạch thực hiện, phạm vi công việc và dự toán chi phí công tác đại tu nhà máy điện NT2 tại 50000 EOH, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu như: mua sắm vật tư dự phòng chiến lược phần điện và đo lường điều khiển năm 2016, vật tư dự phòng cơ nhiệt...

5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty:

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban tuần, và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát thực hiện công tác định kỳ kiểm tra các BCTC và qua mỗi đợt kiểm tra, kiểm soát đều có các đề

xuất kiến nghị với HĐQT và Ban giám đốc để có những giải pháp tốt và đúng trong công tác quản lý và điều hành của Công ty.

III. Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát năm 2017:

1. Nội dung công việc:

STT	Thời gian	Nội dung/chủ đề	Ghi chú
1	Quý 1/2017	Thẩm tra BCTC năm 2016 và các hoạt động mua sắm đấu thầu thực hiện trong quý IV năm 2016; Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch SXKD năm 2017 của Công ty	
2	Quý 2/2017	Thẩm tra BCTC quý II năm 2017	
3	Quý 3/2017	Thẩm tra BCTC quý III năm 2017; Phối hợp cùng với Ban điều hành trong việc giám sát các công tác liên quan đến việc đại tu của Nhà máy; Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2017 và việc thực hiện các chỉ tiêu tiết kiệm (như đã đăng ký).	
4	Quý 4/2017	Thẩm tra BCTC năm 2017; Kiểm tra việc sử dụng quỹ lương, quỹ khen thưởng phúc lợi; Kiểm tra các gói thầu mua sắm trong năm 2017; Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị; Tham gia giám sát công tác kiểm kê.	

Ngoài các nội dung chính trên đây, Ban kiểm soát sẽ thực hiện các nhiệm vụ khác khi có yêu cầu từ các cổ đông hoặc phối hợp làm việc với các đoàn kiểm tra của

cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam khi đến kiểm tra tại Công ty.

2. Quyết toán kinh phí năm 2016 và dự toán tiền thù lao Ban kiểm soát năm 2017:

Để thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông giao cho, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

Quyết toán kinh phí hoạt động năm 2016: tiền thù lao cho kiểm soát viên kiêm nhiệm là 60.000.000 đồng.

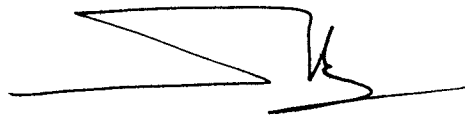
Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tiền thù lao cho kiểm soát viên kiêm nhiệm năm 2017 với mức là 2.500.000 đồng/tháng/người.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PV Power (để b/c);
- KSV chính PV Power(để b/c);
- HĐQT Công ty;
- Ban giám đốc;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Hà

PHỤ LỤC 01: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
I	Hệ số về khả năng sinh lời		
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ROE	22.44%	25.33%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	38.10%	41.68%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA	8.82%	9.46%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13.60%	16.96%
5	Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu thuần	16.93%	24.40%
6	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu EPS	3,740	4,095
II	Các hệ số hoạt động		
1	Vòng quay tổng tài sản (DT/tổng tài sản bq)	0.65	0.56
2	Vòng quay tài sản cố định	1.10	0.85
3	Kỳ thu tiền bình quân (Số ngày/vòng quay các khoản phải thu)	80	91
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0.41	0.26
5	Vòng quay các khoản phải trả	3.88	4.45
6	Thời gian phải trả trung bình (Số ngày/vòng quay các khoản phải trả)	94	82
8	Hiệu suất sử dụng vốn cố định (Doanh thu/Tài sản dài hạn bình quân)	0.98	0.73
III	Các hệ số về cơ cấu vốn		
1	Tổng nợ/tổng tài sản	0.62	0.59
2	Hệ số tài trợ (vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn)	0.38	0.41
3	Hệ số nợ nguồn vốn chủ sở hữu	1.64	1.44
4	Tỷ lệ vay (ngắn hạn và dài hạn) so với vốn chủ sở hữu	0.97	1.23
IV	Các hệ số về khả năng thanh toán		
1	Hệ số thanh toán bằng tiền	0.32	0.55
2	Khả năng thanh toán ngắn hạn	1.23	1.47
3	Khả năng thanh toán nhanh	1.18	1.33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Phạm Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Việt Thắng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

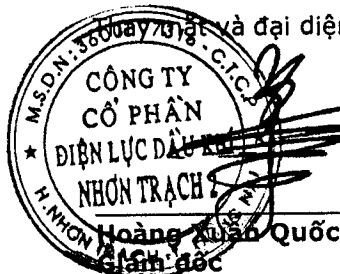
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ngày 14 tháng 02 năm 2017



Ngày 14 tháng 02 năm 2017

Số: 277 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 02 năm 2017 từ trang 4 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 14 tháng 02 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.316.223.172.464	2.980.677.860.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.398.468.310.099	1.108.501.344.977
1. Tiền	111		133.468.310.099	108.501.344.977
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.265.000.000.000	1.000.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.609.508.630.323	1.576.123.809.496
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.447.445.691.772	1.421.490.243.475
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		117.366.595.233	147.020.019.418
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	44.696.343.318	42.952.025.978
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(35.338.479.375)
III Hàng tồn kho	140		239.011.186.410	287.993.190.464
1. Hàng tồn kho	141	8	239.011.186.410	287.993.190.464
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		69.235.045.632	8.059.515.232
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	14.504.546.432	8.049.669.484
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		54.730.499.200	9.845.748
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.663.690.891.214	8.663.994.166.651
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		202.139.261.947	367.755.862.894
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	164.486.554.947	328.973.109.894
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	37.652.707.000	38.782.753.000
II. Tài sản cố định	220		6.934.521.012.006	7.617.942.026.184
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.906.903.378.576	7.588.706.105.493
- Nguyên giá	222		11.307.417.864.097	11.295.755.880.632
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.400.514.485.521)	(3.707.049.775.139)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	27.617.633.430	29.235.920.691
- Nguyên giá	228		30.823.217.421	30.823.217.421
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.205.583.991)	(1.587.296.730)
III Tài sản dở dang dài hạn	240		1.404.275.541	5.694.983.454
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.404.275.541	5.694.983.454
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		525.626.341.720	672.601.294.119
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	524.433.017.320	671.669.974.785
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.193.324.400	931.319.334
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		12.979.914.063.678	11.644.672.026.820

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.071.479.939.962	6.876.213.880.783
I. Nợ ngắn hạn	310		4.309.602.086.664	2.004.458.746.693
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.651.557.360.711	610.604.963.934
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	294.941.869.230	141.527.642.896
3. Phải trả người lao động	314		16.736.277.977	30.078.428.592
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	92.723.792.338	99.659.094.829
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	185.717.509.065	48.265.419.152
6. Vay ngắn hạn	320	19	1.044.961.195.732	1.053.664.813.698
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.964.081.611	20.658.383.592
II. Nợ dài hạn	330		3.761.877.853.298	4.871.755.134.090
1. Vay dài hạn	338	19	3.697.297.425.589	4.811.731.814.220
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	23.866.487.990	18.626.386.677
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		40.713.939.719	41.396.933.193
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.908.434.123.716	4.768.458.146.037
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.908.434.123.716	4.768.458.146.037
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.848.760.290.000	2.739.198.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.848.760.290.000	2.739.198.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(210.000.000)	(113.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	137.294.913.354	79.801.049.931
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	1.922.588.920.362	1.949.571.666.106
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	21	1.426.832.624.142	1.074.471.803.522
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	21	495.756.296.220	875.099.862.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		12.979.914.063.678	11.644.672.026.820

Lê Văn Tú
 Người lập biểu

Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc
 Ngày 14 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01		7.983.298.417.066	6.729.438.340.659
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	24	7.983.298.417.066	6.729.438.340.659
3. Giá vốn hàng bán	11		6.631.836.154.237	5.087.664.858.289
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		1.351.462.262.829	1.641.773.482.370
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	103.162.240.788	65.035.085.646
6. Chi phí tài chính	22	27	249.014.358.209	359.437.861.454
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		155.984.410.804	183.332.784.973
7. Chi phí bán hàng	25	28	-	101.884.233
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	56.841.564.744	146.225.472.119
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.148.768.580.664	1.201.043.350.210
10. Thu nhập khác	31		760.075.813	1.303.397.080
11. Chi phí khác	32		1.347.543.540	537.006.831
12. Lỗ/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(587.467.727)	766.390.249
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.148.181.112.937	1.201.809.740.459
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	62.934.763.783	61.113.338.509
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(262.005.066)	(931.319.334)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.085.508.354.220	1.141.627.721.284
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.740	3.937


Lê Văn Tú
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

Hoàng Xuân Quốc

Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.148.181.112.937	1.201.809.740.459
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	694.373.166.889	691.852.622.322
Các khoản dự phòng	03	(30.098.378.062)	8.137.037.220
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(38.496.893.255)	9.690.448.915
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(58.964.396.649)	(38.075.306.380)
Chi phí lãi vay	06	155.984.410.804	183.332.784.973
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	37.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.870.979.022.664	2.093.747.327.509
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.885.427.380.067)	353.105.408.261
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	48.982.004.054	(12.645.698.178)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	2.204.648.970.824	(308.092.813.904)
Giảm chi phí trả trước	12	109.154.326.001	197.340.117.608
Tiền lãi vay đã trả	14	(157.273.282.628)	(173.788.568.154)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(80.762.149.701)	(35.607.059.592)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.764.464.701)	(22.710.641.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.092.537.046.446	2.091.348.072.492
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(10.638.341.920)	(5.048.778.835)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	463.829.091
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	57.241.382.759	37.860.207.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	46.603.040.839	33.275.257.762
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.060.713.743.759)	(1.043.394.610.429)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(788.459.445.790)	(698.853.979.305)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.849.173.189.549)	(1.742.248.589.734)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	289.966.897.736	382.374.740.520
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.108.501.344.977	726.126.885.017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	67.386	(280.560)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.398.468.310.099	1.108.501.344.977



Lê Văn Tú
 Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quốc
 Giám đốc
 Ngày 14 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 190 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 183 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 13 tháng 10 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 147/2016/TT-BTC ("Thông tư 147") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2016 và áp dụng cho năm tài chính 2016 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 147 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 14
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm. Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản khoản phí bảo hiểm nhà máy, có thời hạn bảo hiểm trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi, phí cố định và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc thiết bị; chi phí trung tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Thông tin chi tiết về các khoản trả trước dài hạn liên quan đến các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị; chi phí trung tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị được trình bày ở Thuyết minh số 13.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ("Hợp đồng 07") được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng 07 nói trên. Số liệu doanh thu bán điện này được thông báo trước cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và các khoản chênh lệch phát sinh sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi Công ty xác định doanh thu chính xác dựa trên tỷ giá giữa Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam công bố tại ngày phát hành hóa đơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã nhận được Công văn số 7526/BTC-TCĐN ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính chấp thuận việc sử dụng tỷ giá do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố để quy đổi các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ và đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ phải trả trên báo cáo tài chính của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty. Tạm ứng cổ tức trong năm 2016 được Hội đồng quản trị quyết định chi trả cho cổ đông dựa trên (i) tình hình sản xuất - kinh doanh hiện tại và kết quả kinh doanh dự kiến trong năm tới, (ii) mức cổ tức dự kiến năm 2016 đã được Đại hội Cổ đông Thường niên thông qua và (iii) đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam cũng như cân đối được nguồn tiền chi trả và các nghĩa vụ tài chính khác sau khi tạm ứng cổ tức.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	22.500.916	15.427.761
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	133.445.809.183	108.485.917.216
Các khoản tương đương tiền	<u>1.265.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>
	<u>1.398.468.310.099</u>	<u>1.108.501.344.977</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 4,6% đến 5,5%/năm (năm 2015: từ 4,5% đến 5%/năm). Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tắt toán tại ngày đáo hạn.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty Mua bán Điện (EPTC) (*)	3.447.370.559.194	1.421.455.631.186
- Các khoản phải thu khách hàng khác	<u>75.132.578</u>	<u>34.612.289</u>
	<u>3.447.445.691.772</u>	<u>1.421.490.243.475</u>
b. Phải thu dài hạn của khách hàng (**)		
- Công ty Mua bán Điện (EPTC)	164.486.554.947	328.973.109.894
	<u>164.486.554.947</u>	<u>328.973.109.894</u>

(*) Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm:

(i) Phản ánh số còn phải thu liên quan tới chênh lệch đơn giá bán điện do hồi tố đơn giá cước vận chuyển đường ống dẫn khí Phú Mỹ- Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015 và hồi tố giá khí cho giai đoạn từ ngày 11 tháng 12 năm 2015 đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2016 như được trình bày tại thuyết minh số 24 với số tiền là 2.129 tỷ đồng.

(ii) Khoản tiền điện phải thu Công ty Mua Bán Điện (EPTC) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08 của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 với số tiền là 1.154 tỷ đồng.

(iii) Khoản tiền điện bổ sung theo giá bán điện chính thức của Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, có kỳ hạn thu hồi dưới 12 tháng với số tiền là 164 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng sẽ thu được toàn bộ số tiền nói trên.

(**) Khoản phải thu dài hạn của khách hàng thể hiện khoản tiền điện bổ sung theo giá điện chính thức của Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến 31 tháng 12 năm 2013 và có kỳ hạn thu hồi trên 12 tháng như trình bày tại Thuyết minh (iii) bên trên.

7. KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán Điện (EPTC) (*)	42.153.554.457	42.153.554.457
- Lãi dự thu	2.343.486.110	620.472.220
- Tạm ứng cho nhân viên	149.000.000	136.000.000
- Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
- Phải thu khác	40.302.751	31.999.301
	44.696.343.318	42.952.025.978
b. Dài hạn		
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	37.652.707.000	38.782.753.000
	37.652.707.000	38.782.753.000

(*) Phải thu khác ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản lãi trả chậm dự thu của Công ty Mua bán Điện (EPTC).

Phải thu khác dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu dài hạn khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Ngày 20 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 122/HĐTD với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích thuê đất là 423.912,8 m². Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo về việc bù trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và tiền thuê đất phải trả Nhà nước.

8. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện giá trị đầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	2.971.262.039.138	8.287.871.059.424	27.192.328.393	9.430.453.677	11.295.755.880.632
Tăng trong năm	-	5.929.570.557	5.022.792.908	709.620.000	11.661.983.465
Phân loại lại	-	1.323.194.000	-	(1.323.194.000)	-
Tại ngày 31/12/2016	2.971.262.039.138	8.295.123.823.981	32.215.121.301	8.816.879.677	11.307.417.864.097
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	626.978.526.756	3.059.870.803.233	16.191.956.972	4.008.488.178	3.707.049.775.139
Khấu hao trong năm	149.106.180.532	539.894.952.179	2.916.909.982	1.546.667.689	693.464.710.382
Phân loại lại	-	52.869.820	-	(52.869.820)	-
Tại ngày 31/12/2016	776.084.707.288	3.599.818.625.232	19.108.866.954	5.502.286.047	4.400.514.485.521
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2016	2.195.177.331.850	4.695.305.198.749	13.106.254.347	3.314.593.630	6.906.903.378.576
Tại ngày 31/12/2015	2.344.283.512.382	5.228.000.256.191	11.000.371.421	5.421.965.499	7.588.706.105.493

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.680.037.264 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.421.444.296 đồng).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	21.602.554.546	9.220.662.875	30.823.217.421
Số dư cuối năm	<u>21.602.554.546</u>	<u>9.220.662.875</u>	<u>30.823.217.421</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	1.587.296.730	1.587.296.730
Khấu hao trong năm	-	1.618.287.261	1.618.287.261
Số dư cuối năm	-	<u>3.205.583.991</u>	<u>3.205.583.991</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối năm	<u>21.602.554.546</u>	<u>6.015.078.884</u>	<u>27.617.633.430</u>
Số dư đầu năm	<u>21.602.554.546</u>	<u>7.633.366.145</u>	<u>29.235.920.691</u>

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc Chung cư CC1.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Giá trị phần mềm gồm giá trị của hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy, phần mềm kế toán SAP và website công ty.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mua sắm xe ô tô	-	2.201.818.181
Tài sản phục vụ nghiên cứu khoa học công nghệ	-	3.493.165.273
Đầu tư xây dựng cơ bản	1.404.275.541	-
	<u>1.404.275.541</u>	<u>5.694.983.454</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm các tài sản cố định phải trải qua quá trình lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng trong năm.

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco") tính đến 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài Chính. Cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã cao hơn vốn điều lệ của Sopewaco. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm nhà máy	14.148.091.059	8.049.669.484
Chi phí khác	<u>356.455.373</u>	<u>-</u>
	<u>14.504.546.432</u>	<u>8.049.669.484</u>
b. Dài hạn		
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	284.363.481.902	380.148.837.329
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	208.742.615.755	242.481.734.966
Chi phí trung tu nhà máy điện cần phân bổ	10.951.128.462	41.860.145.380
Phí bảo hiểm nhân thọ	13.841.666.667	-
Chi phí khác	<u>6.534.124.534</u>	<u>7.179.257.110</u>
	<u>524.433.017.320</u>	<u>671.669.974.785</u>

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy, có thời hạn bảo hiểm trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí:

- Chi phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ. Phí bảo hiểm của các khoản vay này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn vay của các khoản vay dài hạn.
- Chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ (EOH). Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo số giờ EOH thực tế phát sinh.
- Chi phí trung tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 phát sinh khi nhà máy đạt đến 25.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc trung tu theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí trung tu này được ghi nhận và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ phát sinh 25.000 giờ vận hành EOH tiếp theo. Ngày 15 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Quyết định số 46/QĐ-CPNT2 về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành công tác trung tu mở rộng, theo đó giá trị trung tu sẽ được phân bổ dựa vào số giờ thực tế chạy EOH từ khi kết thúc quá trình trung tu của nhà máy.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5%	5%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.193.324.400	931.319.334
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>1.193.324.400</u>	<u>931.319.334</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Tổng Công ty Khí Việt Nam (*)	2.587.804.650.220	2.587.804.650.220	559.158.374.502	559.158.374.502
- Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí Việt Nam	51.658.974.760	51.658.974.760	38.809.164.052	38.809.164.052
- Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	454.403.426	454.403.426	454.403.426	454.403.426
- Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	1.140.250.000	1.140.250.000	1.140.250.000	1.140.250.000
- Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	787.743.000	787.743.000	-	-
- Công ty Cổ phần PVI	75.000.000	75.000.000	75.000.000	75.000.000
- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	-	455.697.900	455.697.900
	2.641.921.021.406	2.641.921.021.406	600.092.889.880	600.092.889.880
b. Phải trả người bán là bên thứ ba				
Các đối tượng khác	9.636.339.305	9.636.339.305	10.512.074.054	10.512.074.054
	9.636.339.305	9.636.339.305	10.512.074.054	10.512.074.054

(*) Bao gồm:

- (i) Khoản tiền khí bổ sung phải trả cho Tổng Công ty khí Việt Nam- Công ty cổ phần ("PV GAS") với số tiền khoảng 1.935 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 đồng) do hồi tố đơn giá cước vận chuyển đường ống dẫn khí Phú Mỹ- Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015 và hồi tố giá khí và đơn giá cước vận chuyển cho giai đoạn từ ngày 11 tháng 12 năm 2015 đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2016 như được trình bày tại thuyết minh số 24. Công ty sẽ thanh toán cho PV GAS ngay sau khi nhận được tiền thanh toán tiền điện bổ sung tương ứng từ Công ty Mua Bán Điện (EPTC).
- (ii) Khoản tiền khí tháng 11 năm 2016 và khoản dự trả tiền khí của tháng 12 năm 2016 mà Công ty phải trả cho PV GAS theo công văn số 66/KĐN-TM ngày 11 tháng 01 năm 2017 về việc thông báo trước tiền khí tháng 12 năm 2016.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	112.174.434.429	408.758.019.106	237.488.453.150	283.444.000.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.506.278.917	62.934.763.783	80.762.149.701	7.678.892.999
Thuế thu nhập cá nhân	241.776.619	10.434.413.367	10.114.049.896	562.140.090
Thuế tài nguyên	3.604.758.030	36.999.749.880	37.799.883.000	2.804.624.910
Các loại thuế khác	394.901	3.102.384.116	2.650.568.171	452.210.846
	141.527.642.896	522.229.330.252	368.815.103.918	294.941.869.230

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí bảo trì	70.809.211.912	77.385.546.697
Lãi vay trích trước	10.435.851.361	11.549.037.820
Khác	11.478.729.065	10.724.510.312
	92.723.792.338	99.659.094.829

Chi phí phải trả ngắn hạn chủ yếu là chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ EOH.

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi chậm thanh toán phải trả	39.278.284.374	39.278.284.374
Tổng Công ty Khí Việt Nam	145.862.287.505	8.473.879.395
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	576.937.186	513.255.383
Phải trả khác	185.717.509.065	48.265.419.152

(*) Theo Nghị quyết số NQ 12/NQ-CPNT2 ngày 21 tháng 7 năm 2016 và Nghị quyết số NQ 20/NQ-CPNT2 ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 bằng tiền lần lượt theo tỷ lệ 15% và 5% mệnh giá một cổ phần tương ứng với số tiền 427.314.043.500 đồng và 142.438.014.500 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm 2016 của Công ty. Cổ tức, lợi nhuận phải trả tại ngày kết thúc niên độ kế toán là khoản cổ tức trích theo Nghị quyết nêu trên nhưng chưa chi trả cho các cổ đông.

19. VAY

	Vay dài hạn đến hạn trả	Các khoản vay dài hạn
	VND	VND
Số dư đầu năm		
- Giá trị	1.053.664.813.698	4.811.731.814.220
- Số có khả năng trả nợ	1.053.664.813.698	4.811.731.814.220
Trong năm		
- Tăng	1.049.894.419.474	-
+ Chuyển từ các khoản vay dài hạn	1.049.894.419.474	-
- Giảm	1.058.598.037.440	1.114.434.388.631
+ Chuyển sang các khoản vay dài hạn đến hạn trả	-	1.049.894.419.474
	1.060.713.743.759	-
+ Thanh toán trong năm	-	31.627.754.516
+ Giảm khác (*)	(2.115.706.319)	32.912.214.641
+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Số dư cuối năm		
- Giá trị	1.044.961.195.732	3.697.297.425.589
- Số có khả năng trả nợ	1.044.961.195.732	3.697.297.425.589

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo đối tượng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
HERMES, CIRR, NEXI và Citibank	4.461.298.558.270	5.537.609.887.691
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	171.880.226.826	200.526.931.298
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	109.079.836.225	127.259.808.929
- Chi nhánh Cộng Hòa		
	4.742.258.621.321	5.865.396.627.918

Ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010, Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank, với Citibank là ngân hàng đầu mỗi với tổng hạn mức vay là 215.380.981 đô la Mỹ và 202.585.883 euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 100.885.760,9 đô la Mỹ và 91.381.201,78 euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 123.622.299,57 đô la Mỹ và 112.944.730,03 euro).

(*) Trong năm Công ty được giảm khoản nợ vay của Hợp đồng vay được tài trợ bởi ngân hàng HERMES tương ứng với khoản hoàn phí bảo hiểm khoản vay, giá trị nợ vay được giảm là 31.627.754.516 đồng tương đương với 259.756,93 đô la Mỹ và 1.028.122,79 euro.

Trong năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 286.467.044.714 đồng với thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022, trong đó thời gian giải ngân chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Hợp đồng vay này để tái tài trợ và thay thế hợp đồng hạn mức 600 tỷ đồng số 02/2011/HĐTD-THD được ký ngày 31 tháng 3 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Thành phố Hà Nội. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 20 kỳ. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất thả nổi. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 171.880.226.826 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 200.526.931.298 đồng).

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa với số tiền vay là 163.619.754.337 đồng cho mục đích tái tài trợ khoản vay đầu tư dự án xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (tái tài trợ và thay thế hợp đồng hạn mức 200 tỷ đồng số 01/2011/HĐTD-THD được ký ngày 20 tháng 01 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Thành phố Hà Nội). Thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022, trong đó thời gian giải ngân chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Nợ gốc của các khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 18 kỳ. Lần trả nợ gốc đầu tiên của khoản vay nêu trên vào ngày 25 tháng 6 năm 2014. Khoản vay này không có đảm bảo và lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ do ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng và các lãi suất này được điều chỉnh 3 tháng/lần. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 109.079.836.225 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 127.259.808.929 đồng).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	1.044.961.195.732	1.053.664.813.698
Trong năm thứ hai	1.044.961.195.732	1.053.664.813.698
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.605.509.428.301	3.160.994.441.094
Sau năm năm	<u>46.826.801.556</u>	<u>597.072.559.428</u>
	<u>4.742.258.621.321</u>	<u>5.865.396.627.918</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.044.961.195.732)	(1.053.664.813.698)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.697.297.425.589</u>	<u>4.811.731.814.220</u>

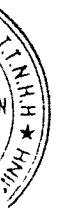
20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Khoản dự phòng phải trả dài hạn phản ánh các chi phí trích trước để thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ (EOH).

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
284.876.029	273.919.843
284.876.029	273.919.843

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện Lực Dầu Khí Việt Nam	1.709.260.800.000	60,00%	1.643.520.000.000	60,00%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	237.961.150.000	8,35%	228.808.800.000	8,35%
Các cổ đông khác	901.538.340.000	31,65%	866.869.630.000	31,65%
	2.848.760.290.000	100%	2.739.198.430.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Số dư đầu năm	2.560.000.000.000	-	169.237.381.136	20.850.842.750	1.496.595.536.926	4.246.683.760.812
Tăng vốn trong năm	179.198.430.000	-	(169.237.381.136)	-	(9.961.048.864)	-
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	-	59.362.684.540	(99.362.684.540)	(40.000.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.141.627.721.284	1.141.627.721.284
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(579.327.858.700)	(579.327.858.700)
Giảm khác	-	(113.000.000)	-	(412.477.359)	-	(525.477.359)
Số dư cuối năm	2.739.198.430.000	(113.000.000)	-	79.801.049.931	1.949.571.666.106	4.768.458.146.037
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Số dư đầu năm	2.739.198.430.000	(113.000.000)	-	79.801.049.931	1.949.571.666.106	4.768.458.146.037
Tăng vốn trong năm	109.561.860.000	-	-	-	(109.561.860.000)	-
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	-	57.081.386.064	(77.081.386.064)	(20.000.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.085.508.354.220	1.085.508.354.220
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(925.847.853.900)	(925.847.853.900)
Tăng/(giảm) khác	-	(97.000.000)	-	412.477.359	-	315.477.359
Số dư cuối năm	2.848.760.290.000	(210.000.000)	-	137.294.913.354	1.922.588.920.362	4.908.434.123.716

Theo Nghị quyết số 04/NQ-CPNT2 ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2016, Công ty đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 57.081.386.064 đồng (năm 2015: 59.362.684.540 đồng) và chia cổ tức còn lại 13% mệnh giá một cổ phần, tương đương 356.095.795.900 đồng (năm 2015 đã tạm ứng 9% mệnh giá một cổ phần, tương đương 246.527.858.700 đồng) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2015. Cũng theo Nghị quyết nói trên, Đại Hội đồng Cổ đông đã phê duyệt phương án thực hiện và quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2016 với số lượng cổ phần phát hành thêm là 3.000.000 cổ phần. Hiện tại, Công ty đang chờ sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước để hoàn tất các thủ tục cần thiết cho việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại ngày lập báo cáo tài chính này.

Theo Nghị quyết số NQ 12/NQ-CPNT2 ngày 21 tháng 7 năm 2016 và Nghị quyết số NQ 20/NQ-CPNT2 ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền lần lượt theo tỷ lệ 15% và 5% mệnh giá một cổ phần tương ứng với số tiền 427.314.043.500 đồng và 142.438.014.500 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 của Công ty.

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức bằng cổ phiếu bằng cách phát hành thêm 10.956.186 cổ phần, tương ứng với 4% số lượng cổ phần đang lưu hành cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2015. Theo Thông báo số 621/TB-SGDHCM ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, việc thay đổi niêm yết này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 5 năm 2016.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	268,20	270,28
Euro	EUR	6,99	7,96

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Doanh thu thuần trong năm bao gồm (i) doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 11 năm 2016 và giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo giá bán điện được quy định trong Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục bổ sung giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 và (ii) doanh thu bán điện bổ sung do hồi tố cước phí vận chuyển đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015 và doanh thu bán điện bổ sung do thay đổi giá khí và cước phí vận chuyển cho giai đoạn từ ngày 11 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016 theo hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 08 ("phụ lục số 08") ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và Công ty; Biên bản hợp số 116/BB-KVN ngày 14 tháng 4 năm 2016 về việc thống nhất chênh lệch giữa cước phí tạm tính và cước phí vận chuyển đường ống dẫn khí Phú Mỹ-Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2012 đến 31 tháng 12 năm 2015 được xác nhận bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP và Công ty. Khoản doanh thu bổ sung này (khoảng 1.935 tỷ đồng) được thực hiện theo nguyên tắc chuyển ngang với giá khí và không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trong năm 2016 của Công ty.

Doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 11 năm 2016 được ghi nhận theo tỷ giá tại ngày xuất hóa đơn. Doanh thu bán điện cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa xuất hóa đơn và doanh thu bán điện bổ sung như trình bày ở trên được ghi nhận theo tỷ giá tạm tính tại thời điểm báo cáo. Do vậy, phần chênh lệch doanh thu bán điện giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và doanh thu bán điện bổ sung sẽ được điều chỉnh chính xác và ghi nhận sau khi tỷ giá được xác định chắc chắn. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và khẳng định rằng dựa trên các tài liệu, hồ sơ mà Công ty có được tại ngày lập báo cáo tài chính này, trên cơ sở thận trọng, doanh thu bán điện tháng 12 năm 2016 và các khoản doanh thu/giá vốn, công nợ phải thu/phải trả tương ứng liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn bổ sung cho các giai đoạn được trình bày ở trên đã được phản ánh đầy đủ và thích hợp.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.420.892.853.967	3.873.129.578.133
Chi phí nhân công	70.674.413.447	77.492.958.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	694.373.166.889	691.852.622.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.934.096.070	495.279.139.848
Chi phí khác bằng tiền	54.803.188.608	96.237.915.978
	<u>6.688.677.718.981</u>	<u>5.233.992.214.641</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi	58.964.396.649	37.611.477.289
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.700.950.884	27.423.608.357
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.496.893.255	-
	<u>103.162.240.788</u>	<u>65.035.085.646</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền vay	155.984.410.804	183.332.784.973
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong quá trình xây dựng cơ bản	-	66.380.869.389
Phí bảo hiểm khoản vay	64.157.600.911	61.399.837.792
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.689.887.795
Phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay	13.269.968.354	16.260.487.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.202.150.547	19.397.673.976
Khác	3.400.227.593	2.976.320.021
	<u>249.014.358.209</u>	<u>359.437.861.454</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:		
- Chi phí nhân viên quản lý	31.893.297.241	34.426.465.382
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.442.749.735	3.987.643.164
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.882.430.539	9.657.374.165
- Thuế, phí và lệ phí	651.600.027	1.141.177.970
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.046.388.741	47.306.522.009
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.263.577.836	49.706.289.429
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(35.338.479.375)	-
	<u>56.841.564.744</u>	<u>146.225.472.119</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	101.884.233
	-	<u>101.884.233</u>
	<u>56.841.564.744</u>	<u>146.327.356.352</u>

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng phải thu lãi chậm thanh toán tiền điện của Công ty Mua bán Điện ("EPTC") với số tiền 35.338.479.375 đồng theo thông báo điều chỉnh kết quả kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Kiểm toán nhà nước. Ban Giám đốc đánh giá việc hoàn nhập này là đúng đắn và phù hợp.

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	57.760.073.651	61.113.338.509
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	5.174.690.132	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	62.934.763.783	61.113.338.509

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay			Năm trước
	Hoạt động chính VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND	Tổng VND
Lợi nhuận trước thuế	1.148.768.580.664	(587.467.727)	1.148.181.112.937	1.201.809.740.459
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	4.262.568.370	1.130.065.568	5.392.633.938	20.457.310.276
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	67.386	-	67.386	280.560
Thu nhập tính thuế	1.153.031.081.648	542.597.841	1.153.573.679.489	1.222.266.770.175
Thuế suất	5%	20%		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	57.651.554.082	108.519.569	57.760.073.651	61.113.338.509
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	-	5.174.690.132	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.651.554.082	108.519.569	62.934.763.783	61.113.338.509

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 20% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ sáu Công ty có thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm thứ hai được giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2015: 22%) tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới và số liệu của năm trước cũng được phân loại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	1.085.508.354.220	1.141.627.721.284
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	20.000.000.000	20.000.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.065.508.354.220	1.121.627.721.284
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	284.876.029	284.876.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.740	3.937

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm 2016, Công ty đã chia cổ tức bằng cổ phiếu bằng cách phát hành thêm 10.956.186 cổ phần từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 theo Nghị quyết số 04/NQ-CPNT2 ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2016. Các sự kiện này dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	273.919.843
Ảnh hưởng của việc tăng thêm cổ phần từ lợi nhuận các năm trước	10.956.186
Số đã điều chỉnh lại	284.876.029

31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CPNT2 ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Đại Hội đồng Cổ Đông, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 01 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án thực hiện và Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty với số lượng và giá cổ phần phát hành lần lượt là 3.000.000 cổ phần và 10.000 đồng/cổ phần. Theo đó, Công ty có phát sinh các yếu tố ảnh hưởng đến lãi suy giảm trên cổ phiếu như sau:

	Năm nay VND
Lợi nhuận sau thuế	1.085.508.354.220
Trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(20.000.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.065.508.354.220
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	284.876.029
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu cho Cán bộ Công nhân viên (Cổ phiếu)	3.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	287.876.029
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	3.701

32. CAM KẾT BÁN HÀNG

Công ty đã ký kết với Công ty Mua Bán Điện (EPTC) bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua Bán Điện (EPTC) trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	4.742.258.621.321	5.865.396.627.918
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.398.468.310.099	1.108.501.344.977
Nợ thuần	3.343.790.311.222	4.756.895.282.941
Vốn chủ sở hữu	<u>4.908.434.123.716</u>	<u>4.768.458.146.037</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,68</u>	<u>1,00</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>(trình bày lại)</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.398.468.310.099	1.108.501.344.977
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>3.694.132.297.037</u>	<u>1.796.723.652.972</u>
	<u>5.092.600.607.136</u>	<u>2.905.224.997.949</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.742.258.621.321	5.865.396.627.918
Phải trả người bán và phải trả khác	2.837.058.842.603	658.706.074.481
Chi phí phải trả	<u>92.723.792.338</u>	<u>99.659.094.829</u>
	<u>7.672.041.256.262</u>	<u>6.623.761.797.228</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
USD	6.093.504	6.067.785	2.292.124.551.754	2.775.320.625.347
EUR	165.926	194.678	2.169.174.120.495	2.762.289.262.344

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá theo biến động tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
USD	68.763.553.748	83.259.436.727
EUR	65.075.218.637	82.868.672.030
	133.838.772.385	166.128.108.757

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện dưới đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm/tăng 89.225.973.445 đồng (năm 2015: 110.752.197.754 đồng).

Quản lý rủi ro về giá khí gas nguyên liệu

Công ty mua khí gas nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để sản xuất điện. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của khí gas nguyên liệu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 34 và một khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.398.468.310.099	-	1.398.468.310.099
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.491.993.035.090	202.139.261.947	3.694.132.297.037
	4.890.461.345.189	202.139.261.947	5.092.600.607.136
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	1.044.961.195.732	3.697.297.425.589	4.742.258.621.321
Phải trả người bán và phải trả khác	2.837.058.842.603	-	2.837.058.842.603
Chi phí phải trả	92.723.792.338	-	92.723.792.338
	3.974.743.830.673	3.697.297.425.589	7.672.041.256.262
Chênh lệch thanh khoản thuần	915.717.514.516	(3.495.158.163.642)	(2.579.440.649.126)
Tại ngày 31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.108.501.344.977	-	1.108.501.344.977
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.428.967.790.078	367.755.862.894	1.796.723.652.972
	2.537.469.135.055	367.755.862.894	2.905.224.997.949
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	1.053.664.813.698	4.811.731.814.220	5.865.396.627.918
Phải trả người bán và phải trả khác	658.706.074.481	-	658.706.074.481
Chi phí phải trả (trình bày lại)	99.659.094.829	-	99.659.094.829
	1.812.029.983.008	4.811.731.814.220	6.623.761.797.228
Chênh lệch thanh khoản thuần	725.439.152.047	(4.443.975.951.326)	(3.718.536.799.279)

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	Cố đồng
Tổng Công ty Khí Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần PVI	Công ty thuộc PVN
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 1	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Công ty thuộc PVN
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam – Trung tâm	Công ty thuộc PVN
Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty thuộc PVN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	3.957.414.414.638	4.046.563.551.733
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật	282.317.453.755	341.324.572.554
Điện lực Dầu khí Việt Nam	72.663.643.810	65.264.878.222
Công ty Cổ phần PVI	2.178.824.300	-
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	91.368.000	2.261.358.000
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	837.361.000	898.081.000
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 1	121.673.105	731.762.418
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.018.097.405	15.909.632.366
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	245.130.127	802.618.812
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam		
Thu nhập tài chính		
Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	8.635.391.039	10.013.162.193

Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	8.011.028.468	6.862.077.706

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu thương mại		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	67.088.178	33.544.089
Trả trước nhà cung cấp		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	35.405.100
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	360.360.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	112.673.620.800	144.260.091.974
Phải thu khác		
Lãi dự thu từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	32.222.222	225.194.443
Phải trả thương mại		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	2.587.804.650.220	559.158.374.502
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	51.658.974.760	38.809.164.052
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	454.403.426	454.403.426
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	1.140.250.000	1.140.250.000
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	787.743.000	-
Công ty Cổ phần PVI	75.000.000	75.000.000
Phải trả khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	39.278.284.374	39.278.284.374
Đầu tư tài chính		
Tiền gửi có kỳ hạn tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam	80.000.000.000	200.000.000.000

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 2.343.486.110 đồng (năm 2015: 620.472.220 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 10.435.851.361 đồng (năm 2015: 11.549.037.820 đồng) là số tiền lãi phải trả mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

Tiền gốc vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 31.627.754.516 đồng (năm 2015: 0 đồng) là số gốc vay được giảm trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản trả trước.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 145.862.287.505 đồng (năm 2015: 8.473.879.395 đồng) là số cổ tức, lợi nhuận chưa thanh toán hết cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2015	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2015
		VND	VND	VND
1. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	118.285.481.506	(18.626.386.677)	99.659.094.829
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	18.626.386.677	18.626.386.677

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2015	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2015
		VND	VND	VND
1. Các khoản dự phòng	03	8.137.037.220	(8.137.037.220)	-
2. Tăng các khoản phải trả	11	(301.490.370.277)	(6.602.443.627)	(308.092.813.904)



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2017

Số: 34 /TTr - CPNT2

Nhon Trạch, ngày 12 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017)

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ vào điều lệ và điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ tám ngày 22/04/2015 của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
- Căn cứ vào qui chế tài chính của Công ty cổ phần điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 được ban hành tại quyết định số 14/QĐ-CPNT2-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2013 và sửa đổi, bổ sung theo quyết định số 49/QĐ-CPNT2 ngày 22/12/2014 của Hội đồng quản trị ;
- Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 thường niên năm 2016 số 04/NQ-CPNT2 ngày 25 tháng 03 năm 2016 đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016.
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán ngày 14 tháng 02 năm 2017;
- Căn cứ nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 ngày 11 tháng 04 năm 2017 về việc thông qua một số nội dung tại kỳ họp HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2017;

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

DVT: Đồng

1. Doanh thu về bán hàng	7.983.298.417.066
2. Giá vốn hàng bán	6.631.836.154.237
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng	1.351.462.262.829
4. Doanh thu hoạt động tài chính	103.162.240.788
5. Chi phí tài chính	249.014.358.209
6. Chi phí bán hàng	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	56.841.564.744
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.148.768.580.664
9. Thu nhập khác	760.075.813
10. Chi phí khác	1.347.543.540
11. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác	(587.467.727)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.148.181.112.937
13. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	62.934.763.783
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(262.005.066)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.085.508.354.220
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.740



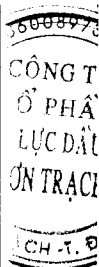
3. Nội dung đề trình

Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất điện năm 2016, đạt 4,45 tỷ kWh lúc 10h25' ngày 29/10/2016, vượt trước kế hoạch 63 ngày. Sản lượng điện sản xuất năm 2016: 5,22 tỷ kWh, đạt 117% so với kế hoạch sản lượng điện năm 2016. Tổng doanh thu năm 2016 là 7.983 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ. Kết quả này là do nỗ lực của PVPower NT2 đã thực hiện công tác chào giá thị trường điện với chiến lược chào giá hợp lý, đảm bảo nhà máy điện vận hành an toàn, hiệu quả từ đầu năm cho đến nay. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 1.085,5 tỷ đồng, vượt 49% so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2016 được Đại hội cổ đông thông qua. Bên cạnh đó trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành công tác thu hồi công nợ đối với khoản danh thu tiền điện bổ sung đến hạn trả trong năm 2016 với số tiền là 164 tỷ đồng.

3.1 Phân phối lợi nhuận năm 2016

Với những kết quả đạt được như trên và đề động viên và khuyến khích tinh thần làm việc của tập thể CBCNV, chăm lo đời sống CBCNV cũng như thực hiện các chương trình công tác an sinh xã hội, công tác từ thiện, tham gia công tác xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ địa phương. Công ty xin kính trình HĐQT Công ty xem xét phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

ST T	Nội dung	Số tiền (Đồng)	Ghi chú
I	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		
1	Lợi nhuận sản xuất kinh doanh sau thuế năm 2016	1.085.508.354.220	Theo BCTC được kiểm toán tại ngày 31/12/2016
2	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2016	38.496.893.255	
3	Lợi nhuận sản xuất kinh doanh sau thuế năm 2016 không bao gồm chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.047.011.460.965	
II	VỐN GÓP CHỦ SỞ HỮU		
1	Vốn góp của chủ sở hữu - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.	2.878.760.290.000	
III	TRÍCH LẬP QUỸ		
1	Quỹ đầu tư phát triển	0	Không trích lập
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi - thưởng Ban điều hành	20.000.000.000	Đã thực hiện tạm trích theo nghị quyết số 01/NQ-CPNT2 ngày 06/01/2017 của HĐQT Công ty
IV	CHIA CỔ TỨC		Bằng tiền mặt với tỷ lệ 36% trên mệnh giá
3.1	Cổ tức bằng tiền mặt đã tạm ứng	569.752.058.000	Đã tạm ứng 20% theo nghị quyết số 12/NQ-CPNT2 ngày 21/07/2016 và nghị quyết số 20/NQ-CPNT2 ngày 02/12/2016.
3.2	Cổ tức đề xuất tăng thêm	460.601.646.400	Tỷ lệ 16% trên mệnh giá



3.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và lợi nhuận sau thuế năm 2016 để lại, Công ty kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1. Lợi nhuận sau thuế (Theo kế hoạch SXKD năm 2017)	Tỷ đồng	671.686	
2. Tổng số lợi nhuận trích lập các quỹ	% LNST	5%	Tối đa không quá 20 tỷ đồng
2.1 Quỹ đầu tư phát triển	% LNST	0%	Không trích lập
2.2 Quỹ khen thưởng phúc lợi - thưởng Ban điều hành	% LNST	5%	Tối đa không quá 20 tỷ đồng
3. Kế hoạch chia cổ tức năm 2017	%/mệnh giá	25%	

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



GIÁM ĐỐC



Hoàng Xuân Quốc

Số: 08 /CPNT2-TCKT

Nhon Trạch, ngày 14 tháng 02 năm 2017

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 và Báo cáo tài chính năm 2017)

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

I. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015, các chuẩn mực kế toán Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/06/2007 và các lần sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với các tổ chức niêm yết.

II. Nội dung đề trình

Trên cơ sở danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước công bố. Công ty kính trình Hội Đồng Quản Trị Công ty phê duyệt lựa chọn danh sách các đơn vị kiểm toán để phát hành thư mời chào giá cạnh tranh thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 và Báo cáo tài chính năm 2017 gồm các Công ty như sau:

1. Công ty Ernst & Young Việt Nam
2. Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
5. Công ty TNHH Kiểm Toán VACO.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS công ty
- Lưu văn thư, TCKT.

(Chữ ký)

GIÁM ĐỐC



Hoàng Xuân Quốc

Số: 35 /TTr-CPNT2

Nhơn Trạch, ngày 12 tháng 4 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

I. Căn cứ pháp lý:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần thứ tám, theo Quyết định số 15/QĐ-CPNT2 ban hành ngày 22/04/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
- Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 11/04/2017 của Hội đồng quản trị thông qua một số nội dung tại kỳ họp Hội đồng quản trị ngày 11 tháng 04 năm 2017.
- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 11/BB-CPNT2 ngày 11/04/2017.

II. Nội dung đề trình:

Tiếp theo Tờ trình số 21/TTr-CPNT2 ngày 10/03/2017 của Công ty về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty theo Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 11/04/2017, Công ty đã cập nhật bổ sung sửa đổi các Điều, Khoản của Điều lệ Công ty với nội dung cụ thể như sau:

1. Điều 5: Bổ sung số vốn điều lệ hiện nay của Công ty là: 2.878.760.290.000 đồng.
2. Điều 10: Sửa đổi “Cơ cấu tổ chức quản lý” thành “Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát”.
3. Điều 30, Khoản 1: Bỏ nội dung “Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty”.

Trên cơ sở đó, Công ty kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty với các Điều, Khoản với những nội dung như



Bảng so sánh sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014 và Dự thảo Điều lệ lần thứ 9 (*đính kèm*).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, SK&QHCD.

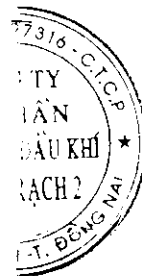
Đính kèm:

- Bảng so sánh sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Dự thảo Điều lệ Công ty lần 9.

1/9. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Đức Nhân



**BẢNG SO SÁNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY
THEO QUY ĐỊNH LUẬT DOANH NGHIỆP 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
(PV POWER NT2)**



MỤC LỤC

1. Cơ sở pháp lý sửa đổi Điều lệ	1
2. Các căn cứ so sánh.....	1
3. Lý do và mục đích so sánh	1
4. Những điểm cần lưu ý	2
5. Cách đọc bảng so sánh	2
6. Chi tiết nội dung so sánh	2

Handwritten signature

BẢNG SO SÁNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY THEO QUY ĐỊNH LUẬT DOANH NGHIỆP 2014

1. Cơ sở pháp lý sửa đổi Điều lệ

- a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006, Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- c. Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định về quản trị Công ty và ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng.
- d. Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 22/04/2015.

2. Các căn cứ so sánh

- a. Căn cứ vào thứ tự của Điều: So sánh sự khác nhau giữa Điều lệ hiện hành và theo quy định của LDN 2014.
- b. Các điểm in nghiêng/in đậm là phần có bao gồm những khác biệt quan trọng theo quy định của LDN 2014.
- c. Tương ứng những điểm, khoản tại Điều lệ hiện hành của Công ty là những điểm, khoản tại Điều lệ cần thay đổi

3. Lý do và mục đích so sánh

- a. Điều lệ hiện hành được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nhưng có một số điểm hay điều khoản chưa tuân theo quy định của LDN 2014. Do đó cần xây dựng và cập nhật Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo mọi hoạt động về quản trị của Công ty đều không trái pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích cho các cổ đông;
- b. Đảm bảo đáp ứng được điều kiện về tính hợp pháp của Điều lệ Công ty từ sau kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

4. Những điểm cần lưu ý

- a. Bảng so sánh này sẽ chỉ ra sự khác biệt giữa Điều lệ hiện hành và theo quy định của LDN 2014 và/hoặc cập nhật theo quy định hiện hành. Những phần không thay đổi hoặc cùng chuyển tải một nội dung nhưng cách thể hiện khác nhau sẽ không được nêu trong bản liệt kê này để thuận lợi cho việc tham khảo và tránh trùng lặp.
- b. “Điều lệ mẫu” là điều lệ được Bộ Tài Chính ban hành kèm theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012.

5. Cách đọc bảng so sánh

- a. Liệt kê theo thứ tự từ Điều 1 đến Điều cuối cùng của Điều lệ mới tại phần “Nội dung” (những nội dung khác biệt với quy định của LDN 2014).
- b. Tương ứng với Điều có số thứ tự đó thì nội dung quy định là vấn đề gì.

6. Chi tiết nội dung so sánh

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
1.	Điều khoản 1 Điều 1	d. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.	d. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	Điều chỉnh dẫn chiếu	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
2.	Điểm f khoản 1 Điều 1	e. Ngày thành lập: là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;	e. Ngày thành lập: là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;	Điều chỉnh để phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014	
3.	Điểm m Khoản 1 Điều 1	m. <i>Pháp luật</i> : tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm Pháp luật ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996 và phần sửa đổi, bổ sung được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2002.	m. <i>Pháp luật</i> : tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật quy định tại Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2015 .	Điều chỉnh tham chiếu để phù hợp.	
4.	Khoản 6 Điều 2	6.Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48 của Điều lệ này , thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.	6.Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49 của Điều lệ này , thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.	Điều chỉnh tham chiếu để phù hợp.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
5.	Khoản 1 Điều 4	1.Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	1.Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	LDN 2014 đã bỏ quy định chỉ kinh doanh những ngành nghề ghi trên GCNĐKDN, theo đó Công ty được tự do tiến hành những ngành nghề mà pháp luật không cấm trừ trường hợp ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.	Điều 7, Điều 8, Điều 17 LDN 2014

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
6.	Khoản 1 Điều 5	1. Tại thời điểm thành lập Công ty, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Vốn điều lệ của Công ty là Vốn điều lệ được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng. Số lượng cổ phần của Công ty sẽ bằng Vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần	1.Vốn điều lệ của Công ty là: 2.878.760.290.000 đồng (Hai nghìn, tám trăm bảy mươi tám tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 287.876.029 (Hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn hai mươi chín) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).	Điều chỉnh phù hợp với quy mô vốn hiện tại và quy định của LDN 2014.	Điều 25 LDN 2014.
7.	Điều 5	Chưa có	<u>Bổ sung thêm Khoản 3 – Điều 5 – Điều lệ mới:</u> 3.Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.	Bổ sung phù hợp quy định của LDN 2014.	Điều 25 LDN 2014.

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
8.	Khoản 4 Điều 5	2.Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục 1 là một phần của Điều lệ này.	2.Đề xuất bỏ.	Các quy định về cổ đông sáng lập đến thời điểm hiện tại đã hết hiệu lực.	
9.	Khoản 5 Điều 9	5.Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	5.Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo mức lãi suất cho vay cao nhất của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán bộ	Điều chỉnh nhằm tạo sự linh hoạt, phù hợp với diễn biến của thị trường.	



2

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
			giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.		
10.	Điều 10	Cơ cấu tổ chức quản lý: Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a.Đại hội đồng cổ đông; b.Hội đồng quản trị; c.Giám đốc; d.Ban kiểm soát.	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a.Đại hội đồng cổ đông; b.Hội đồng quản trị; c.Ban kiểm soát; d.Giám đốc Công ty.	Điều chỉnh cho rõ nghĩa	
11.	Điều h Khoản 2 Điều 11	h.Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp.	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.	Chỉnh sửa dẫn chiếu phù hợp quy định LDN 2014.	Điều 129 LDN 2014.

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
12.	Khoản 3 Điều 11 Điểm b Khoản 3 Điều 11	3.Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên [5%] tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên, có các quyền sau... b.Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp.	3.Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên, có các quyền sau... b.Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	Điều chỉnh phù hợp với Điều lệ mẫu. Chỉnh sửa dẫn chiếu phù hợp quy định LDN 2014.	
13.	Khoản 2 Điều 12	2.Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	2.Đề xuất bỏ.	Cổ đông không có nghĩa vụ tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
14.	Khoản 1 Điều 13	1.Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần chậm nhất vào tháng 4 hàng năm.	1.Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Bổ sung cho rõ nghĩa và phù hợp với quy định của LDN 2014.	Khoản 2 Điều 136 LDN 2014.
15.	Điểm d Khoản 3 Điều 13	d.Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên theo quy định tại Khoản 3, Điều 11...	d.Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên theo quy định tại Khoản 3, Điều 11....	Điều chỉnh phù hợp với Điều lệ mẫu.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
16.	Điểm e Khoản 3 Điều 13	e.Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.	e.Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm của họ theo Điều 160 Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình	Điều chỉnh dẫn chiếu phù hợp quy định LDN 2014.	
17.	Điểm a Khoản 4 Điều 13	a.Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm d hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm e và f khoản 3 Điều này	a.Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c hoặc nhận được yêu cầu nêu tại	Điều chỉnh dẫn chiếu trong Điều lệ.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
			điểm d và điểm f khoản 3 Điều này.		
18.	Điểm b Khoản 4 Điều 13	b.Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.	b.Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	Điều chỉnh dẫn chiếu phù hợp quy định LDN 2014.	
19.	Điểm c Khoản 4 Điều 13	c.Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm e khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại	c.Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm c khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp	Điều chỉnh dẫn chiếu trong Điều lệ. Điều chỉnh dẫn chiếu phù hợp quy định LDN 2014.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này	Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.		
20.	Điểm f Khoản 2 Điều 14	f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty.	f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty.	Điều chỉnh phù hợp với LDN 2014.	Điều 135 LDN 2014.
21.	Điểm n Khoản 2 Điều 14	n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất	n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	Điều chỉnh phù hợp với LDN 2014.	Khoản 1 Điều 162 LDN 2014.



STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
22.	Khoản 3 Điều 17	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc và/hoặc thư điện tử của cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông	Điều chỉnh phù hợp với quy định của LDN 2014.	Khoản 1 Điều 139 LDN 2014.
23.	Khoản 4 Điều 17	4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 (ba)	4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được	LDN 2014 cho phép Điều lệ quy định thời hạn gửi kiến nghị có thể nhiều hơn 3 ngày, do đó quy định thời hạn	Khoản 2 Điều 138 LDN 2014

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông...	gửi cho Công ty ít nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông...	dài hơn để ban tổ chức đại hội có thêm thời gian xem xét, chuẩn bị	
24.	Khoản 1 Điều 18	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;	Điều chỉnh cho phù hợp với LDN 2014.	Khoản 1 Điều 141 LDN 2014

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
			d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.		
25.	Khoản 2 Điều 18	2.Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lại trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	2.Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lại trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định của LDN 2014	Khoản 1 Điều 141 LDN 2014

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
26.	Khoản 1 Điều 20	1.Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông...	1.Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông...	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định của LDN 2014	Điều 144 LDN 2014
27.	Khoản 2 Điều 20	2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm	2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định của LDN 2014	Khoản 1 Điều 144 LDN 2014

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).		
28.	Khoản 3 Điều 20	3.Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu	2.Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng	Bổ sung phương thức bầu TV HĐQT/BKS cho linh hoạt lựa chọn giữa 2 phương thức theo tỷ lệ sở hữu	Khoản 3 Điều 144 LDN 2014

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thành viên Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai (2) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.	cổ đông việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu	hoặc bầu dồn phiếu, phù hợp với quy định của LDN 2014.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
			tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.		
29.	Khoản 2 Điều 21	2.....Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	2....Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định của LDN 2014	Điều 139 LDN 2014



3

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
30.	Khoản 8 Điều 21	8.Quyết định thông qua thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Nghị quyết thông qua thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị khi được các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết thông qua và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định của LDN 2014.	Khoản 4 Điều 144 LDN 2014
31.	Khoản 2 Điều 23	2....Trường hợp quyết định quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ngày	2....Trường hợp quyết định quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày	Bổ sung cho đầy đủ quy định.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.		
32.	Khoản 4 Điều 24	4.Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.	Đề xuất bỏ.	Đề xuất bỏ do đã được bổ sung tại Khoản 4 Điều 24 – Điều lệ mới.	
33.	Khoản 5 Điều 24	<u>Khoản 5 – Điều 24 – Điều lệ hiện hành:</u> 5.Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Thường trú tại Việt Nam; b.Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. c.Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người	<u>Khoản 4 – Điều 24 – Điều lệ mới:</u> 5.Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a.Thường trú tại Việt Nam; b.Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của LDN 2014.	Khoản 1 Điều 151 LDN 2014.

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.	c.Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; d.Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; e.Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.		

14

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
34.	Bổ sung ngay sau Khoản 4 Điều 24 – Điều lệ mới	Chưa quy định	<u>Khoản 5 – Điều 24 – Điều lệ mới:</u> 5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ngoài các quy định về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.	Bổ sung phù hợp với quy định của LDN 2014.	Khoản 2 Điều 151 LDN 2014
35.	Khoản 6 Điều 24	6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu	6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại	Điều chỉnh phù hợp với Điều lệ mẫu.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị...	với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị...		
36.	Điểm e Khoản 8 Điều 24	e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh phù hợp với quy định của LDN 2014.	Khoản 2 Điều 156 LDN 2014.
37.	Điểm n Khoản 3 Điều 25	n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	Điều chỉnh phù hợp với quy định của LDN 2014.	Khoản 1 Điều 144 LDN 2014.
38.	Điểm o Khoản 3 Điều 25	o. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	o. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	Điều chỉnh phù hợp với quy định của LDN 2014.	Khoản 1 Điều 144 LDN 2014.

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
39.	Điểm p Khoản 3 Điều 25	p.Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh).	p.Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh).	Điều chỉnh tham chiếu theo quy định của LDN 2014.	Điều 149, Điều 135, Điều 162 LDN 2014.
40.	Điểm d Khoản 9 Điều 27	d.Bất kỳ thành viên thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp và Mục a, Mục b	d.Bất kỳ thành viên thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và điểm a, điểm b Khoản 4	Điều chỉnh tham chiếu theo quy định của LDN 2014.	

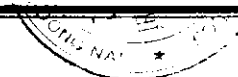
STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		Khoản 4 Điều 33 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Điều 33 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó		
41.	Khoản 1 Điều 30	1.Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.	1.Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.	Điều chỉnh phù hợp với tình hình hoạt động Công ty.	
42.	Điểm b Khoản 4 Điều 30	b.Vi phạm điều 11 của Luật Doanh nghiệp.	b.Vi phạm Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.	Điều chỉnh tham chiếu theo quy định của LDN 2014.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
43.	Khoản 6 Điều 30	6.....Giám đốc thực hiện kê khai các lợi ích và thông tin liên quan theo quy định tại các Điều 118 và Điều 119 của Luật Doanh nghiệp.	6.....Giám đốc thực hiện kê khai các lợi ích và thông tin liên quan theo quy định tại các Điều 159 và Điều 160 của Luật Doanh nghiệp.	Điều chỉnh tham chiếu theo quy định của LDN 2014.	
44.	Điểm a Khoản 4 Điều 33	a.Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất,...	a.Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất,...	Điều chỉnh phù hợp với quy định của LDN 2014.	
45.	Điểm b Khoản 4 Điều 33	b.Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất,...	b.Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất,...	Điều chỉnh phù hợp với quy định của LDN 2014.	
46.	Khoản 2 Điều 35	2..... Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.	2....Các kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công	Điều chỉnh phù hợp với quy định của LDN 2014.	Điều 163, Điều 164 LDN 2014.

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về Tài chính – Kế toán.	ty. Các Kiểm soát viên phải bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.		
47.	Khoản 3 Điều 35	3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và có thể kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Nếu trong nhiệm kỳ xảy ra việc khuyết thành viên Ban kiểm soát thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới bổ	3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và có thể kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Nếu trong nhiệm kỳ xảy ra việc khuyết thành viên Ban kiểm soát thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần	Điều chỉnh phù hợp với quy định của LDN 2014	Khoản 3 Điều 144 LDN 2014

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		sung bằng hình thức bầu dồn phiếu. Trưởng Ban kiểm soát phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát.	nhất sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới bổ sung. Trưởng Ban kiểm soát phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát.		
48.	Khoản 6 Điều 35	6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:....	6. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:....	Điều chỉnh thuật ngữ phù hợp với quy định của LDN 2014.	
49.	Khoản 1 Điều 36	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:....	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:....	Điều chỉnh tham chiếu theo quy định của LDN 2014.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
50.	Khoản 2 Điều 36	2....Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	2....Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh thuật ngữ phù hợp với quy định của LDN 2014.	
51.	Khoản 4 Điều 36	4.Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc	4.Tổng mức thù lao cho các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát	Điều chỉnh thuật ngữ phù hợp với quy định của LDN 2014.	



34

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.		
52.	Khoản 2 Điều 37	2.Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát , Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	2.Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Điều chỉnh thuật ngữ phù hợp với quy định của LDN 2014.	
53.	Khoản 2 Điều 39	2.Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ để bổ sung vốn Điều lệ theo quy định của Pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm	Đề xuất bỏ.	Việc trích lập các quỹ phụ thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		(5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được tiếp tục trích giới hạn tích lũy bằng mười phần trăm (10%) vốn Điều lệ của Công ty.		Pháp luật hiện hành không quy định.	
54.	Khoản 1 Điều 41	1.Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	1.Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	Điều chỉnh thuật ngữ phù hợp với hoạt động của Công ty.	
55.	Khoản 4 Điều 44	4.Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng 03 số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán,	4.Các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định về pháp luật chứng khoán.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.			
56.	Khoản 5 Điều 51	5.Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể công ty thực hiện theo Điều 158 và Điều 159 Luật Doanh nghiệp.	5.Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể công ty thực hiện theo Điều 201, Điều 202, Điều 203, Điều 204 và Điều 205 Luật Doanh nghiệp.	Điều chỉnh tham chiếu theo quy định của LDN 2014.	Điều 201, Điều 202, Điều 203, Điều 204 và Điều 205 LDN 2014.
57.	Khoản 1 Điều 54	1.Điều lệ này gồm này gồm 21 (hai mươi một) chương, 54 (năm mươi bốn) điều, được sửa đổi theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông số 15/QĐ-CPNT2 ngày 22/4/2015, thay thế cho Điều lệ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2007, Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất, ban	1.Điều lệ này gồm này gồm 21 (hai mươi một) chương, 54 (năm mươi bốn) điều, được sửa đổi theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông số/QĐ-CPNT2 ngày/.../2017 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định của pháp luật.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		hành theo Quyết định số 01/CPNT2-QĐ-HĐQT ngày 15/01/2009, Điều lệ sửa đổi lần thứ hai, ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 19/CPNT2-NQ-DHĐCĐ ngày 01/10/2009, Điều lệ sửa đổi lần thứ ba, ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 24/NQ-CPNT2 ngày 29/10/2010, Điều lệ sửa đổi lần thứ Tư, ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-CPNT2 ngày 22/04/2011, Điều lệ sửa đổi lần thứ Năm, ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-CPNT2 ngày 01/08/2012. Điều lệ sửa đổi lần thứ Sáu, ban hành theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông số Quyết định số 22/QĐ-CPNT2 ngày 22/05/2013. Điều lệ sửa đổi lần thứ Bảy, ban hành theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông số Quyết định			

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2016	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		số 45/QĐ-CPNT2 ngày 03/12/2014. Điều lệ sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2015.			
58.	Khoản 2 Điều 54	2.Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.	Đề xuất bỏ.	Pháp luật hiện hành không bắt buộc.	

Lưu ý: Sau khi các điều khoản bổ sung được thông qua, Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung sẽ được đánh số thứ tự điều khoản lại cho hợp lý mà không làm thay đổi nội dung đã được thông qua.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

(Sửa đổi lần thứ Chín, ban hành theo Quyết định
số/QĐ-CPNT2 ngày 27/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông)

NHƠN TRẠCH, THÁNG 4 NĂM 2017



PHẦN MỞ ĐẦU

Các quy định của Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - dưới đây gọi là “Công ty”, được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 theo nghị quyết số .../NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017. Điều lệ này thay thế các bản Điều lệ và các phụ lục sửa đổi Điều lệ trước đây.

CHƯƠNG 1

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. *Cổ đông*: là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty;
- b. *Cổ đông sáng lập*: là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Trong vòng 3 (ba) năm kể từ Ngày thành lập, các Cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán;
- c. *Vốn điều lệ*: là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp hoặc cam kết góp trong một thời gian nhất định và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
- d. *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- e. *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- f. *Ngày thành lập*: là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
- g. *Cán bộ quản lý*: là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- h. *Người có liên quan*: là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;
- i. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- j. *Thành viên Hội đồng quản trị độc lập*: là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

- Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;
 - Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.
- k. *Thời hạn hoạt động*: là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này;
- l. *Việt Nam*: là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- m. *Pháp luật*: tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật quy định tại Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2015;
- n. *Đại diện theo ủy quyền*: là người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật;
- o. *Người được ủy quyền dự họp*: là người được Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu nào tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG 2

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên gọi:

a) Tên của Công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

b) Tên của Công ty bằng tiếng Anh:

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

c) Tên viết tắt của Công ty: **PVPower NT2**

d) Logo của Công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở và Chi nhánh của Công ty:

- *Trụ sở chính của Công ty:*

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (061) 2225 899 (061) 2225 893

Fax: (061) 2225 897

E.mail: info@pvpnt2.com

Website: http://www.pvpnt2.com

- *Chi nhánh của Công ty:* đặt tại thành phố Hồ Chí Minh

4. Giám đốc là đại diện theo Pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập mới, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi các đơn vị trực thuộc Công ty tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với các quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

CHƯƠNG 3

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn nhiên liệu để sản xuất, kinh doanh điện, Bán buôn thiết bị vật tư phụ tùng để sản xuất, kinh doanh điện;

- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện;
- Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, và sửa chữa các công trình nhiệt điện;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- a. Thu lợi nhuận tối đa;
- b. Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ đông;
- c. Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- d. Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG 4

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 2.878.760.290.000 đồng (Hai nghìn, tám trăm bảy mươi tám tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 287.876.029 (Hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn hai mươi chín) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

2. Công ty có thể tăng, giảm Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 (hai mươi) ngày làm việc) để Cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Cổ đông của công ty là nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ cổ phần theo tỷ lệ quy định tại các văn bản pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.

8. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Công ty có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn, Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu khác.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo Pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị đánh mất, mất cấp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần (theo hình thức chứng chỉ hay không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo Pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng



[Handwritten signature]

với tiền lãi theo mức lãi suất cho vay cao nhất của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG 5

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Giám đốc Công ty.

CHƯƠNG 6

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang sở hữu;
- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty, nhưng chỉ sau khi

Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật;

h. Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên, có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.6 và Điều 35.5;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;

b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;

d. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;

e. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;

f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo Pháp luật của cổ đông.

5. Quyền của các Cổ đông ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại từng thời kỳ phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên theo quy định tại Khoản 3, Điều 11;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Văn bản kiến nghị triệu tập phải có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan đưa ra lý do triệu tập cuộc họp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về lý do triệu tập cuộc họp.

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ theo Điều 160 Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

4. Cách thức triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm d và điểm f khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm e Khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

b. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc.

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty.

d. Báo cáo của các kiểm toán viên độc lập.

e. Định hướng phát triển của Công ty.

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong giới hạn mà Pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép;
- e. Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập;
- f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
- g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty trừ trường hợp trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
- l. Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- m. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Giám đốc Công ty;
- n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:

- a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này nếu Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất

cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán;

4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 15. Các đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ đông;
- b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;
- d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e. Thời hạn thực hiện đại diện; và
- f. Họ, tên, chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.



3

Điều này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền) và sở hữu tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những Cổ đông sở hữu cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những Cổ đông sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình cuộc họp và thông báo

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc và/hoặc thư điện tử của cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo

thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần sở hữu và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự.

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lại trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không được tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê duyệt.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký kết.

2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên Ban kiểm phiếu do Đại hội quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn so với thời điểm khai mạc Đại hội có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết..

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa hoặc thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ, có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông dự họp.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc người đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.

Ngoại trừ ba vấn đề nêu trên, Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá

trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;



- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến cổ đông nếu không phản hồi hoặc phản hồi không đúng theo thời hạn quy định thì được xem như là đồng ý chấp thuận.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thông qua và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

597
ĐNC
O P
VLU
HON
VTR

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty

Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Nội dung quyết định vi phạm các quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này

CHƯƠNG 7 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Thường trú tại Việt Nam;
 - b. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - e. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ngoài các quy định về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

7. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

8. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho

phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Thành viên đó không còn là người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức.

9. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

10. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

11. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và hay bất kỳ Cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty; quyết định mức lương và các chế độ khác của Giám đốc Công ty; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi, miễn nêu trên không được trái với các quyền theo Hợp đồng lao động của những người bị bãi, miễn (nếu có);

- d. Quyết định cơ cấu tổ chức; các quy chế quản lý nội bộ Công ty, thành lập, giải thể các đơn vị thành viên, chi nhánh, văn phòng đại diện theo đề nghị của Giám đốc;
- e. Bổ nhiệm và bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các chế độ khác của các chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, Trưởng văn phòng đại diện theo đề nghị của Giám đốc;
- f. Đề xuất các loại cổ phần mới có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- h. Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác;
- i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác;
- j. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán và mức giá mua lại của từng loại cổ phần, quyết định việc góp vốn vào doanh nghiệp khác và mua/bán cổ phần của doanh nghiệp khác;
- k. Giải quyết các khiếu nại của Công ty về Cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- o. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, mua công ty và liên doanh);
- q. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- r. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- s. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- t. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

- u. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- v. Đề xuất phân chia lợi nhuận hằng năm; mức trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, dự phòng trợ cấp mất việc làm và các quỹ khác;
- w. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

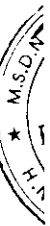
8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hằng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền



3

và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng. Trong trường hợp Chủ tịch mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường. Hội đồng quản trị phải họp phiên bất thường trong vòng 15 ngày làm việc theo yêu cầu bằng văn bản, trình bày mục đích, lý do cuộc họp của một trong những người, nhóm người sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trưởng Ban kiểm soát;
- d. Ít nhất 2/3 thành viên Ban kiểm soát;
- e. Giám đốc; hoặc ít nhất 5 (năm) Cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

4. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 của Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tham gia trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền.

9. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
- b. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- c. Theo quy định tại Mục d Khoản này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
- d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và điểm a, điểm b Khoản 4 Điều 33 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

18973
NG
PH
LUCI
ON TI
RAC

13

10. Tuyên bố lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tọa hoặc nếu không gửi được cho Chủ tọa thì gửi cho Thư ký không muộn hơn một tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến.

13. Hợp từ xa hoặc các hình thức khác. Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức từ xa giữa các thành viên của Hội đồng quản trị với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên của Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ này hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp những phương thức này. Mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp từ xa được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp từ xa này.

14. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết; phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

3

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị không thể sử dụng được tiếng Việt, thì nội dung biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được dịch sang tiếng Anh và thành viên đó phải ký tên trên cả biên bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

16. Những người được mời họp dự thính: Giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

18. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Chương 8

GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc điều hành hoặc một số Phó Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc điều hành và các Phó Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc là 5 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản, không được làm Giám đốc các doanh nghiệp khác.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định hoặc phê duyệt, thông qua của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế tài chính, tư vấn và các hợp đồng khác, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- b. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;
- c. Tuyển dụng lao động; Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- d. Thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm tới;
- f. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
- g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển



[Handwritten signature]

tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị đề thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

i. Kiến nghị phương án xử lý lỗ trong kinh doanh;

j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và Pháp luật.

4. Miễn nhiệm: Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Chết, mất trí, mất quyền công dân;

b. Vi phạm Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

c. Có đơn xin từ chức;

d. Theo Quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc theo quy định tại điểm d khoản 4 này khi có ít nhất 3/4 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (Giám đốc nếu là thành viên Hội đồng quản trị thì không được biểu quyết). Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Khi Giám đốc muốn từ chức phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được văn bản, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.

Trong trường hợp Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải gửi thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh và cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa là 30 ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị phải hoàn tất việc tiến hành các thủ tục bổ nhiệm/thuê Giám đốc mới.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc: Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ;

c. Có trình độ đại học trở lên, có kiến thức và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty;

d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết Pháp luật

6. Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc. Tiền lương và các lợi ích khác của Giám đốc tính vào chi phí quản lý của công ty và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, được báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên. Giám đốc có

thể được Công ty thưởng tiền tùy theo hiệu quả kinh doanh của Công ty. Số tiền thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định

Giám đốc thực hiện kê khai các lợi ích và thông tin liên quan theo quy định tại các Điều 159 và Điều 160 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Tham dự các cuộc họp. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương 9

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang

làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương 10

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên phải bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và có thể kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Nếu trong nhiệm kỳ xảy ra việc khuyết Kiểm soát viên thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới bổ sung. Trưởng Ban kiểm soát phân công nhiệm vụ cho các Kiểm soát viên và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phiếu có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

- 6. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

SỔ
CƠ
CỐ
NLI
NHON
TRA

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người.

4. Tổng mức thù lao cho các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chương 11

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

Chương 12

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC

Điều 38. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật.
3. Giám đốc tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, phụ cấp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, xây dựng cơ chế tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, phúc lợi, kỷ luật ... đối với người lao động, đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa Công ty với các tổ chức đoàn thể.

Chương 13

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Trích lập quỹ

Công ty trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 40. Trả cổ tức

1. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
 2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
 3. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
 4. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông.
- Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi

tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán / Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

6. Hội đồng quản trị phải thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

7. Trừ trường hợp cổ phiếu có quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. Công ty không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.

8. Công ty không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà Cổ đông chưa nhận được khi đến hạn trả cổ tức.

Chương 14

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 43. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

3. Các sổ sách kế toán của công ty được lập bằng tiếng Việt và/hoặc có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài phù hợp với quy định của Pháp luật. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Chương 15

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng Khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính riêng hàng năm còn phải bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 45. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương 16 KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương 17 CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương 18 CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - d. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;
 - e. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
2. Công ty chỉ giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
3. Các quyết định giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua và do Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể phải được thông báo hay xin chấp thuận lên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 51. Thanh lý

1. Chậm nhất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm (03) thành viên, trong đó hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và các cơ quan liên quan.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;

597
ÔNG
PH
LUC D
N TR
CH

13

f. Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

5. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể công ty thực hiện theo Điều 201, Điều 202, Điều 203, Điều 204 và Điều 205 Luật Doanh nghiệp.

Chương 19

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy chế của Công ty giữa:

(i) Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc

(ii) Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bắt đầu quá trình hoà giải hoặc quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Chương 20

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định đó của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương 21

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 21 (hai mươi một) chương, 54 (năm mươi bốn) điều, được sửa đổi theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông số.../QĐ-CPNT2 ngày 27/04/2017 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.

2. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hay người được ủy quyền ký tên và có dấu của Công ty cùng có chữ sao y bản chính, hay một câu tương tự mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC CÔNG TY



TS. Hoàng Xuân Quốc

Số: 36 / TTr - CPNT2

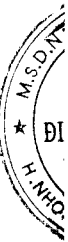
Nhơn Trạch, ngày 12 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của
Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
- Căn cứ thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Khoa Học và Công Nghệ - Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần thứ 8, ban hành ngày 22/4/2015 theo 15 quyết định số 15/QĐ-CPNT2 của Đại hội đồng cổ đông công ty;
- Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được ban hành và sửa đổi bổ sung;



- Căn cứ nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ngày 11 tháng 04 năm 2017 về việc thông qua một số nội dung tại kỳ họp HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2017;

Ngày 28 tháng 6 năm 2016, Bộ Khoa Học và Công Nghệ và Bộ Tài Chính ban hành thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC về việc “Hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp”. Sau khi nghiên cứu và soạn thảo sửa đổi quy chế hiện hành (Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty ban hành theo quyết định số 47/QĐ-CPNT2 ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Đại hội cổ đông) cho phù hợp với quy định pháp luật. Công ty kính trình Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 làm cơ sở để thực hiện công tác phát triển khoa học và công nghệ phục vụ cho nghiên cứu khoa học và công nghệ Công ty.

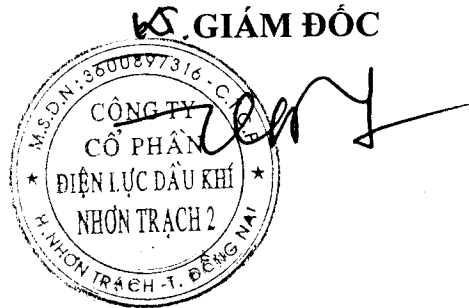
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD;
- Lưu: VT, P.TCKT; Quỹ PTKH&CN.

Đính kèm:

- Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ;



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Quang Mẫn

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

NHƠN TRẠCH, THÁNG 04 NĂM 2017

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Quy chế này quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Điều 2. Mục đích thành lập

Quỹ là tổ chức do Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 thành lập để tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty để nâng cao sức cạnh tranh của Công ty thông qua hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất của Công ty.

CHƯƠNG II
QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA QUỸ

Điều 3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ do Công ty cấp, hoặc từ các nguồn khác
2. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tài chính hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty.
3. Cấp kinh phí để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty trên cơ sở kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền cao nhất hoặc cấp được ủy quyền của Công ty phê duyệt.
4. Kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí của Quỹ.
5. Phối hợp với cơ quan nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.
6. Hàng năm Quỹ phải lập báo cáo trích, sử dụng và kê khai số liệu về mức trích lập, số tiền trích lập vào tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Báo cáo việc trích, sử dụng Quỹ được gửi đến cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Sở Khoa học & Công nghệ và Sở Tài chính.
7. Cấp có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp quyết định thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy tổ chức của Quỹ. Đối với công ty cổ phần, cấp có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp là Đại hội cổ đông. Quỹ là một bộ phận không có tư cách pháp nhân và trực thuộc doanh nghiệp, do người có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp chịu trách nhiệm điều hành.



CHƯƠNG III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ

Điều 4. Bộ máy tổ chức và điều hành Quỹ

Quỹ tổ chức dưới hình thức một bộ phận (không có tư cách pháp nhân riêng) thuộc Công ty. Bộ máy tổ chức và điều hành Quỹ bao gồm:

- Giám đốc Quỹ: Giám đốc Quỹ do Giám đốc Công ty kiêm nhiệm có nhiệm vụ sau đây:
 - o Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ.
 - o Chỉ định nhân sự đảm nhiệm vị trí Thư ký Quỹ, Kế toán Quỹ;
 - o Quản lý nhân sự, tài sản và vốn của Quỹ;
 - o Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Quỹ.
- Thư ký Quỹ: Do Giám đốc Quỹ chỉ định và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ, Thư ký Quỹ có nhiệm vụ sau:
 - o Dự thảo kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ và nhu cầu sử dụng vốn của Quỹ.
 - o Giúp Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ: chuẩn bị tài liệu, điều kiện cho các cuộc họp, thực hiện chế độ thông tin báo cáo việc đăng ký, thẩm định, triển khai dự án, đề tài, xây dựng kế hoạch làm việc của Quỹ và các nhiệm vụ liên quan khác.
- Nhân viên kế toán Quỹ: Nhân viên kế toán Quỹ do Giám đốc Quỹ chỉ định và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ. Nhân viên kế toán Quỹ có nhiệm vụ sau:
 - o Tổ chức hoạch toán các nghiệp vụ phát sinh, thanh quyết toán, báo cáo,...theo đúng quy định của pháp luật;
 - o Giúp Giám đốc quỹ thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn quản lý Quỹ.

1. Sử dụng Quỹ theo đúng quy định và hiệu quả.
2. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt ban hành Quy chế khoa học và công nghệ.
3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt ban hành Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ nhằm quy định về định mức chi tiêu của Quỹ; tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ và chỉ hoạt động quản lý Quỹ.



5. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các nội dung hoạt động hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ.
6. Lập báo cáo về trích lập, điều chuyển và sử dụng hàng năm của Quỹ.
7. Quản lý và sử dụng Quỹ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ theo kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.
8. Kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí của Quỹ.
9. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra việc thành lập, tổ chức và quản lý, sử dụng Quỹ theo quy định của pháp luật.
10. Thực hiện báo cáo về trích, điều chuyển và sử dụng Quỹ, gửi cơ quan thuế và Sở Khoa học và Công nghệ nơi Công ty đóng trụ sở chính.

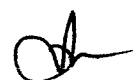
Điều 6. Nguồn vốn của Quỹ.

1. Nguồn vốn của Quỹ được hình thành từ:
 - a) Lợi nhuận trước thuế của Công ty: mức trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Mức trích tối đa có thể thay đổi theo các quy định hiện hành theo Quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.
 - b) Trường hợp trong năm bất kỳ, Công ty có nhu cầu sử dụng cho hoạt động khoa học công nghệ vượt mức số dư hiện có tại Quỹ thì được lựa chọn hoặc lấy từ số trích lập Quỹ của các năm tiếp theo để bù vào số còn thiếu hoặc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, nếu cần thiết có thể phân bổ cho các năm tiếp sau để không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
 - c) Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì công ty phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phân lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó (Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tính số thuế thu hồi và lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi theo quy định pháp luật hiện hành).
 - d) Nguồn vốn đóng góp tự nguyện, không vì mục đích lợi nhuận của các tổ chức hợp pháp, cá nhân trong và ngoài nước.
 - e) Nguồn vốn hợp pháp khác.
2. Quỹ phải công khai mọi khoản thu, chi theo quy định của pháp luật về công khai tài chính.

Điều 7. Trích lập Quỹ.

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt mức trích lập Quỹ hàng năm theo quy định tại điều 5 Quy chế này.

Điều 8. Quản lý tài chính và công tác kế toán.



1. Hội đồng Quản trị Công ty ban hành các quy định về định mức chi tiêu của Quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ, phê duyệt kế hoạch tài chính và Báo cáo về trích lập, điều chuyển và sử dụng hàng năm của Quỹ.
2. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, mở sổ sách kế toán, ghi chép chứng từ, hoạch toán các nghiệp vụ phát sinh, thanh kết toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Nội dung chi Quỹ

Việc sử dụng nguồn vốn của Quỹ nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển khoa học công nghệ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Công ty không được sử dụng nguồn vốn của Quỹ để đầu tư cho các hoạt động khác không gắn với việc phát triển khoa học và công nghệ hoặc chi trùng lặp cho các hạng mục kinh phí của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được tài trợ bởi các nguồn vốn khác. Nguồn vốn của Quỹ dùng để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty sau đây:

1. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ
2. Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của Doanh nghiệp, bao gồm: Đào tạo nhân lực; Hoạt động hợp tác khoa học và công nghệ; Hoạt động quản lý quỹ; Trang bị cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học công nghệ; Mua quyền sử dụng, sở hữu...

Các khoản chi đã được bảo đảm từ nguồn Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp không được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế. Các khoản chi từ Quỹ phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ

Điều 10. Quản lý tài sản hình thành từ Quỹ

1. Đối với tài sản cố định hình thành từ Quỹ thì phải lập hồ sơ tài sản cố định để theo dõi quản lý theo quy định của Bộ Tài chính và không phải trích khấu hao tài sản cố định. Các tài sản khác phải tổ chức quản lý theo dõi theo quy định, đảm bảo sử dụng đúng mục đích.
2. Các tài sản cố định đã được đầu tư từ nguồn vốn của Quỹ, trường hợp có thực hiện sửa chữa, nâng cấp thì tiếp tục sử dụng nguồn quỹ phát triển khoa học công nghệ để chi trả.
3. Trường hợp tài sản cố định đã được đầu tư từ nguồn vốn của Quỹ chưa hết hao mòn, nếu chuyển giao cho hoạt động kinh doanh thì phần giá trị còn lại của tài sản cố định phải hạch toán vào thu nhập khác và phần giá trị còn lại của tài sản cố định đó được trích khấu hao, tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.
4. Trường hợp tài sản cố định được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ chuyển giao phục vụ cho hoạt động kinh doanh thì xác định giá trị của tài sản cố định phải hạch toán vào thu nhập khác và phần giá trị của tài sản đó được trích khấu hao, tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI

GIẢI THỂ VÀ ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động của quỹ

1. Quỹ bị đình chỉ hoạt động khi vi phạm pháp luật;
2. Quỹ tạm đình chỉ hoạt động khi:
 - Hoạt động sai mục đích;
 - Vi phạm các quy định về quản lý tài chính của Quỹ và của Nhà nước;
 - Tổ chức quản lý và điều hành Quỹ sai quy định của pháp luật hiện hành;
 - Tổ chức vận động tài trợ trái pháp luật.
3. Đối với các vi phạm nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, ngoài việc bị đình chỉ, hoặc tạm đình chỉ hoạt động thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Quỹ có thể bị Xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Tùy theo mức độ vi phạm, những người có trách nhiệm quản lý Quỹ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày bị tạm đình chỉ hoạt động, nếu Quỹ sửa chữa, khắc phục được những vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này thì được xem xét cho phép hoạt động trở lại.

Điều 12. Giải thể Quỹ

1. Tùy theo yêu cầu và khả năng hoạt động của Quỹ, Chủ tịch HĐQT có quyền ra quyết định giải thể Quỹ, đồng thời báo cáo với Sở Tài chính, Sở Khoa học và công nghệ, Cục thuế nơi doanh nghiệp đóng trụ sở.
2. Quỹ bị buộc phải giải thể trong những trường hợp sau đây :
 - a) Trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày có quyết định thành lập nhưng Quỹ không hoạt động;
 - b) Không được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động quá 6 tháng kể từ ngày quyết định tạm đình chỉ có hiệu lực.

Điều 13. Xử lý tài sản khi giải thể Quỹ

Khi giải thể Quỹ, phải tiến hành kiểm kê, toàn bộ tài sản, tiền vốn, công nợ,...Thực hiện đối chiếu giữa sổ sách và thực tế kiểm kê, làm rõ nguyên nhân chênh lệch (nếu có). Sau khi thanh toán hết các khoản công nợ và chi phí giải thể, phần giá trị còn lại được phân chia theo cơ cấu hình thành nguồn vốn ban đầu của Quỹ giữa phần đóng góp của nhà nước thông qua việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và phần đóng góp của Công ty từ lợi nhuận.

Đối với phần có nguồn gốc đóng góp của nhà nước phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

Nghiêm cấm việc phân tán tiền và tài sản của Quỹ trái pháp luật./.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017

Điều 15. Quy chế này trong quá trình thực hiện, nếu có điều nào không phù hợp sẽ được sửa đổi hoặc bổ sung cho phù hợp với các qui định hiện hành của Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông./.

